

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Điểm Trung	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
1325	0921040431	Đỗ Mạnh	Linh	Nam	30/01/90	Kỹ thuật mô	Khai thác mô Lộ thiên	2.30	Trung bình	Chính quy	DCMOKT54A
1326	0921040407	Lê Tiến	Mạnh	Nam	20/09/90	Kỹ thuật mô	Khai thác mô Lộ thiên	3.08	Khá	Chính quy	DCMOKT54A
1327	0921040355	Lại Văn	Quyền	Nam	01/02/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mô Lộ thiên	2.58	Khá	Chính quy	DCMOKT54A
1328	0921040261	Phạm Văn	Thắng	Nam	20/12/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mô Lộ thiên	3.02	Khá	Chính quy	DCMOKT54A
1329	0921040268	Nguyễn Quyết	Tiến	Nam	24/07/90	Kỹ thuật mô	Khai thác mô Lộ thiên	2.73	Khá	Chính quy	DCMOKT54A
1330	0921040151	Đổng Văn	Tuấn	Nam	08/10/90	Kỹ thuật mô	Khai thác mô Lộ thiên	2.95	Khá	Chính quy	DCMOKT54A
1331	0921040288	Nguyễn Mạnh	Tường	Nam	05/12/90	Kỹ thuật mô	Khai thác mô Lộ thiên	2.35	Trung bình	Chính quy	DCMOKT54A
1332	0921040370	Lê Tiến	An	Nam	26/06/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mô Lộ thiên	2.87	Khá	Chính quy	DCMOKT54B
1333	0921040160	Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	12/06/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mô Lộ thiên	2.70	Khá	Chính quy	DCMOKT54B
1334	0921040021	Nguyễn Mạnh	Cường	Nam	29/08/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mô Lộ thiên	3.06	Khá	Chính quy	DCMOKT54B
1335	0920000257	Trần Đình	Đinh	Nam	20/02/90	Kỹ thuật mô	Khai thác mô Lộ thiên	2.64	Khá	Chính quy	DCMOKT54B
1336	0921040363	Lê Văn	Đùng	Nam	17/01/90	Kỹ thuật mô	Khai thác mô Lộ thiên	2.68	Khá	Chính quy	DCMOKT54B
1337	0921040322	Nguyễn Viết	Đại	Nam	08/01/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mô Lộ thiên	2.77	Khá	Chính quy	DCMOKT54B
1338	0921040186	Phạm Văn	Đại	Nam	21/01/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mô Lộ thiên	3.09	Khá	Chính quy	DCMOKT54B
1339	0921040391	Nguyễn Văn	Đức	Nam	06/09/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mô Lộ thiên	2.96	Khá	Chính quy	DCMOKT54B
1340	0921040397	Nguyễn Văn	Hải	Nam	20/12/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mô Lộ thiên	2.52	Khá	Chính quy	DCMOKT54B
1341	0921040044	Nguyễn Quang	Hiền	Nam	06/11/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mô Lộ thiên	2.77	Khá	Chính quy	DCMOKT54B
1342	0921040205	Hà Văn	Huy	Nam	09/09/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mô Lộ thiên	2.54	Khá	Chính quy	DCMOKT54B
1343	0921050086	Nguyễn Duy	Hương	Nam	15/02/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mô Lộ thiên	2.67	Khá	Chính quy	DCMOKT54B
1344	0921040376	Nguyễn Văn	Khải	Nam	30/04/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mô Lộ thiên	2.51	Khá	Chính quy	DCMOKT54B
1345	0921040374	Phạm Văn	Linh	Nam	02/01/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mô Lộ thiên	2.64	Khá	Chính quy	DCMOKT54B
1346	0921040225	Lê Minh	Long	Nam	07/06/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mô Lộ thiên	2.64	Khá	Chính quy	DCMOKT54B
1347	0921040149	Hồ Đình	Luân	Nam	26/10/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mô Lộ thiên	2.61	Khá	Chính quy	DCMOKT54B
1348	0921040351	Trần Đại	Nghĩa	Nam	02/09/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mô Lộ thiên	2.40	Trung bình	Chính quy	DCMOKT54B
1349	0921040246	Nguyễn Khắc	Quang	Nam	30/08/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mô Lộ thiên	2.43	Trung bình	Chính quy	DCMOKT54B
1350	0921040248	Đỗ Văn	Quận	Nam	11/12/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mô Lộ thiên	2.78	Khá	Chính quy	DCMOKT54B

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Điểm Trung	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
1351	0921020293	Tạ Văn	Thanh	Nam	14/01/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mô Lộ thiên	2.81	Khá	Chính quy	DCMOKT54B
1352	0921040390	Nguyễn Thu	Thùy	Nam	12/05/90	Kỹ thuật mô	Khai thác mô Lộ thiên	3.12	Khá	Chính quy	DCMOKT54B
1353	0921020356	Nguyễn Đình	Tiến	Nam	18/12/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mô Lộ thiên	2.66	Khá	Chính quy	DCMOKT54B
1354	0921040424	Phan Mạnh	Tuấn	Nam	05/07/90	Kỹ thuật mô	Khai thác mô Lộ thiên	2.68	Khá	Chính quy	DCMOKT54B
1355	0921040421	Trịnh Văn	Tuấn	Nam	05/03/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mô Lộ thiên	2.73	Khá	Chính quy	DCMOKT54B
1356	0921040137	Đỗ Xuân	Văn	Nam	23/09/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mô Lộ thiên	2.89	Khá	Chính quy	DCMOKT54B
1357	0921030006	Nguyễn Thái	Bảo	Nam	15/06/90	Kỹ thuật mô	Khai thác mô Lộ thiên	2.57	Khá	Chính quy	DCMOKT54C
1358	0921040165	Vũ Ngọc	Cấp	Nam	08/04/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mô Lộ thiên	2.70	Khá	Chính quy	DCMOKT54C
1359	0921040294	Trần Thiện Hoàng	Chinh	Nam	21/04/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mô Lộ thiên	2.63	Khá	Chính quy	DCMOKT54C
1360	0921040144	Trần Quốc	Cửu	Nam	02/02/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mô Lộ thiên	2.65	Khá	Chính quy	DCMOKT54C
1361	0921040332	Chu Thị Thủy	Dung	Nam	04/04/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mô Lộ thiên	3.11	Khá	Chính quy	DCMOKT54C
1362	0921040024	Lê Đức	Duy	Nam	28/12/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mô Lộ thiên	2.40	Trung bình	Chính quy	DCMOKT54C
1363	0921040035	Vương Bá	Đại	Nam	10/09/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mô Lộ thiên	2.67	Khá	Chính quy	DCMOKT54C
1364	0921040191	Thần Như	Đức	Nam	01/02/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mô Lộ thiên	2.71	Khá	Chính quy	DCMOKT54C
1365	0921040377	Nguyễn Duy	Hoàng	Nam	27/04/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mô Lộ thiên	2.89	Khá	Chính quy	DCMOKT54C
1366	0921040056	Nguyễn Mạnh	Hùng	Nam	09/03/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mô Lộ thiên	2.88	Khá	Chính quy	DCMOKT54C
1367	0921040222	Lê Tài	Linh	Nam	19/01/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mô Lộ thiên	3.01	Khá	Chính quy	DCMOKT54C
1368	0921040299	Nguyễn Văn	Linh	Nam	05/08/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mô Lộ thiên	2.73	Khá	Chính quy	DCMOKT54C
1369	0921040365	Nguyễn Đức	Mạnh	Nam	04/07/90	Kỹ thuật mô	Khai thác mô Lộ thiên	2.57	Khá	Chính quy	DCMOKT54C
1370	0921040232	Nguyễn Văn	Nam	Nam	10/01/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mô Lộ thiên	2.87	Khá	Chính quy	DCMOKT54C
1371	0921040359	Triệu Văn	Thắng	Nam	20/03/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mô Lộ thiên	2.72	Khá	Chính quy	DCMOKT54C
1372	0921040123	Nguyễn Đức	Trung	Nam	06/05/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mô Lộ thiên	2.57	Khá	Chính quy	DCMOKT54C
1373	0921040324	Vũ Văn	Việt	Nam	14/08/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mô Lộ thiên	2.94	Khá	Chính quy	DCMOKT54C
1374	0920000215	Cao Văn	Hải	Nam	10/06/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mô Lộ thiên	2.45	Trung bình	Chính quy	DCMOKT54QN
1375	0920000225	Hoàng Văn	Khuyến	Nam	05/06/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mô Lộ thiên	2.49	Trung bình	Chính quy	DCMOKT54QN
1376	0920000258	Đặng Đức	Mạnh	Nam	20/10/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mô Lộ thiên	2.45	Trung bình	Chính quy	DCMOKT54QN

Nguyễn Văn

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Điểm Trung	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
1377	0920000236	Phạm Thị	Nê	Nữ	28/10/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mô Lộ thiên	2.90	Khá	Chính quy	DCMOKT54QN
1378	0920000259	Nguyễn Văn	Ngọc	Nam	02/03/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mô Lộ thiên	2.49	Trung bình	Chính quy	DCMOKT54QN
1379	0920000260	Trần Quang	Trung	Nam	06/02/90	Kỹ thuật mô	Khai thác mô Lộ thiên	2.39	Trung bình	Chính quy	DCMOKT54QN
1380	0920000250	Hoàng Văn	Tuấn	Nam	24/12/91	Kỹ thuật mô	Khai thác mô Lộ thiên	2.57	Khá	Chính quy	DCMOKT54QN
1381	0921040157	Đổng Ngọc	Anh	Nam	26/07/91	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	2.26	Trung bình	Chính quy	DCMOTK54
1382	0921040162	An Văn	Bằng	Nam	11/02/91	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	2.95	Khá	Chính quy	DCMOTK54
1383	0921040182	Trần Đình	Dương	Nam	14/11/91	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	2.74	Khá	Chính quy	DCMOTK54
1384	0921040192	Đỗ Thị	Hà	Nam	19/09/91	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	3.06	Khá	Chính quy	DCMOTK54
1385	0921040194	Nguyễn Văn	Hậu	Nam	29/09/91	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	3.08	Khá	Chính quy	DCMOTK54
1386	0921050109	Ta Kim	Hoa	Nam	28/07/91	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	3.09	Khá	Chính quy	DCMOTK54
1387	0921040050	Ngô Thị	Học	Nam	05/10/90	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	3.68	Xuất sắc	Chính quy	DCMOTK54
1388	0921040051	Nguyễn Thị	Huế	Nam	02/09/91	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	3.31	Giỏi	Chính quy	DCMOTK54
1389	0921040081	Lê Thị Thúy	Nga	Nam	16/03/91	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	2.97	Khá	Chính quy	DCMOTK54
1390	0921040097	Nguyễn Văn	Quyết	Nam	18/07/91	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	2.32	Trung bình	Chính quy	DCMOTK54
1391	0921040311	Đoàn Thị	Tâm	Nam	08/12/91	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	2.79	Khá	Chính quy	DCMOTK54
1392	0921040120	Nguyễn Thị	Trang	Nam	10/03/91	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	3.14	Khá	Chính quy	DCMOTK54
1393	0921040327	Trần Thị Huyền	Trang	Nam	06/06/91	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	3.05	Khá	Chính quy	DCMOTK54
1394	0921040277	Ngô Bá	Trường	Nam	05/08/91	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	2.35	Trung bình	Chính quy	DCMOTK54
1395	0921040275	Nguyễn Viết	Trường	Nam	23/01/90	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	2.68	Khá	Chính quy	DCMOTK54
1396	0921040276	Vũ Viết	Trường	Nam	12/12/91	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	2.82	Khá	Chính quy	DCMOTK54
1397	0921040280	Lô Minh	Tuấn	Nam	17/11/89	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	2.20	Trung bình	Chính quy	DCMOTK54
1398	0921040418	Nguyễn Thị	Viên	Nam	22/04/91	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	3.24	Giỏi	Chính quy	DCMOTK54
1399	0921040013	Nguyễn Đức	Anh	Nam	03/08/91	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	2.49	Trung bình	Chính quy	DCMOTK54
1400	0921040172	Hoàng Trọng	Cương	Nam	05/04/91	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	2.48	Trung bình	Chính quy	DCMOTK54
1401	0921040173	Nguyễn Mạnh	Cường	Nam	15/06/91	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	2.21	Trung bình	Chính quy	DCMOTK54
1402	0920000216	Trần Thị	Hạnh	Nữ	06/05/91	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	2.96	Khá	Chính quy	DCMOTK54

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Điểm Trung	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
1403	0921040047	Nguyễn Thị	Hoa	Nam	19/05/91	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	3.28	Giỏi	Chính quy	DCMOTK54
1404	0924010072	Trần Thị	Liên	Nam	24/10/90	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	2.93	Khá	Chính quy	DCMOTK54
1405	0921040221	Hoàng Thị Thủy	Linh	Nam	24/03/91	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	3.15	Khá	Chính quy	DCMOTK54
1406	0921040233	Nguyễn Thị	Ngân	Nam	29/05/91	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	3.30	Giỏi	Chính quy	DCMOTK54
1407	0921040234	Nguyễn Đức	Nghị	Nam	16/11/91	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	2.23	Trung bình	Chính quy	DCMOTK54
1408	0921040236	Nguyễn Thị	Nhân	Nam	11/11/91	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	2.98	Khá	Chính quy	DCMOTK54
1409	0920000240	Đỗ Thị	Oanh	Nữ	23/04/91	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	3.20	Giỏi	Chính quy	DCMOTK54
1410	0921040240	Nguyễn Tân	Phong	Nam	04/12/91	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	2.85	Khá	Chính quy	DCMOTK54
1411	0921040106	Nguyễn Phương	Thảo	Nam	17/07/91	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	2.92	Khá	Chính quy	DCMOTK54
1412	0921040109	Lê Xuân	Thắng	Nam	27/11/91	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	2.60	Khá	Chính quy	DCMOTK54
1413	0921040265	Phan Bạch	Thông	Nam	06/02/91	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	2.53	Khá	Chính quy	DCMOTK54
1414	0921040266	Đỗ Thị Hồng	Thủy	Nam	19/08/91	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	2.82	Khá	Chính quy	DCMOTK54
1415	0921040361	Đỗ Việt	Tiến	Nam	18/07/91	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	2.30	Trung bình	Chính quy	DCMOTK54
1416	0921040271	Phạm Thị	Trang	Nam	10/11/91	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	2.80	Khá	Chính quy	DCMOTK54
1417	0921040142	Hoàng Thị	Yến	Nam	05/02/91	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	2.78	Khá	Chính quy	DCMOTK54
1418	0921040155	Nguyễn Văn	An	Nam	12/09/90	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	2.32	Trung bình	Chính quy	DCMOXN54
1419	0921040019	Nguyễn Thế	Công	Nam	12/04/91	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	2.72	Khá	Chính quy	DCMOXN54
1420	0921040020	Triệu Ngọc	Công	Nam	11/12/89	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	2.61	Khá	Chính quy	DCMOXN54
1421	0921040315	Hoàng Khắc	Cương	Nam	16/08/91	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	2.60	Khá	Chính quy	DCMOXN54
1422	0921040023	Bùi Đức	Doanh	Nam	15/01/91	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	2.33	Trung bình	Chính quy	DCMOXN54
1423	0921040323	Bùi Đức	Duy	Nam	21/09/91	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	2.59	Khá	Chính quy	DCMOXN54
1424	0921040034	Cao Đức	Đại	Nam	13/04/90	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	2.35	Trung bình	Chính quy	DCMOXN54
1425	0921040193	Phạm Văn	Hải	Nam	15/11/91	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	2.22	Trung bình	Chính quy	DCMOXN54
1426	0921040045	Dương Văn	Hiệp	Nam	09/08/91	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	2.21	Trung bình	Chính quy	DCMOXN54
1427	0921040331	Nguyễn Văn	Hòa	Nam	20/09/91	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	2.65	Khá	Chính quy	DCMOXN54
1428	0921040199	Phạm Thị	Hòa	Nam	10/06/91	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	3.08	Khá	Chính quy	DCMOXN54

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Điểm Trung	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
1429	0921040202	Đỗ Văn	Học	Nam	09/04/91	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	2.65	Khá	Chính quy	DCMOXN54
1430	0921040209	Lưu Mạnh	Hùng	Nam	04/01/86	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	2.40	Trung bình	Chính quy	DCMOXN54
1431	0921040052	Nguyễn Quốc	Huy	Nam	12/04/91	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	2.67	Khá	Chính quy	DCMOXN54
1432	0921040213	Nguyễn Trọng	Khanh	Nam	07/06/91	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	2.66	Khá	Chính quy	DCMOXN54
1433	0921040063	Nguyễn Duy	Khánh	Nam	12/04/91	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	2.64	Khá	Chính quy	DCMOXN54
1434	0921040147	Trần Đình	Kỳ	Nam	18/04/90	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	2.70	Khá	Chính quy	DCMOXN54
1435	0921040068	Nguyễn Ngọc	Lâm	Nam	22/10/90	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	2.88	Khá	Chính quy	DCMOXN54
1436	0921040408	Trần Tiến	Lâm	Nam	04/10/91	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	2.94	Khá	Chính quy	DCMOXN54
1437	0921040072	Đào Văn	Long	Nam	21/02/91	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	2.67	Khá	Chính quy	DCMOXN54
1438	0921040079	Nguyễn Văn	Minh	Nam	02/07/90	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	2.55	Khá	Chính quy	DCMOXN54
1439	0921040078	Phạm Bình	Minh	Nam	22/12/91	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	2.44	Trung bình	Chính quy	DCMOXN54
1440	0921040231	Trương Văn	Mùi	Nam	10/09/91	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	2.51	Khá	Chính quy	DCMOXN54
1441	0921040301	Thái Văn	Nhân	Nam	20/11/91	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	2.91	Khá	Chính quy	DCMOXN54
1442	0921040242	Vũ Quốc	Phòng	Nam	10/11/91	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	2.21	Trung bình	Chính quy	DCMOXN54
1443	0921040349	Hoàng Văn	Thái	Nam	05/08/90	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	2.27	Trung bình	Chính quy	DCMOXN54
1444	0921040111	Đỗ Đình	Thiên	Nam	11/03/90	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	2.57	Khá	Chính quy	DCMOXN54
1445	0921040354	Vũ Quang	Thiệu	Nam	07/07/90	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	2.29	Trung bình	Chính quy	DCMOXN54
1446	0921040270	Vũ Văn	Toán	Nam	20/07/90	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	2.27	Trung bình	Chính quy	DCMOXN54
1447	0921040278	Ngô Xuân	Tuân	Nam	28/05/91	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	2.41	Trung bình	Chính quy	DCMOXN54
1448	0921040127	Nguyễn Duy	Tuân	Nam	09/03/91	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	2.99	Khá	Chính quy	DCMOXN54
1449	0921040128	Nguyễn Văn	Tuân	Nam	25/01/91	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	3.01	Khá	Chính quy	DCMOXN54
1450	0921060078	Đậu Anh	Tuân	Nam	23/11/90	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	2.76	Khá	Chính quy	DCMOXN54
1451	0921040417	Đinh Anh	Tuân	Nam	04/07/91	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	2.42	Trung bình	Chính quy	DCMOXN54
1452	0921040130	Nguyễn Văn	Tuân	Nam	04/05/90	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	2.19	Trung bình	Chính quy	DCMOXN54
1453	0921060144	Phạm Bá	Tuân	Nam	11/06/91	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	2.63	Khá	Chính quy	DCMOXN54
1454	0921040427	Đào Tuấn	Vũ	Nam	06/12/91	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	2.80	Khá	Chính quy	DCMOXN54

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Điểm Trung	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
1455	0921040360	Nguyễn Anh	Vũ	Nam	21/11/91	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	2.73	Khá	Chính quy	DCMONM54
1456	0921040163	Đào Thị	Bình	Nam	07/06/91	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mô	3.02	Khá	Chính quy	DCMONM54
1457	0921040016	Nguyễn Đức	Cánh	Nam	20/03/90	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mô	2.90	Khá	Chính quy	DCMONM54
1458	0921040170	Nguyễn Văn	Chương	Nam	14/08/90	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mô	2.64	Khá	Chính quy	DCMONM54
1459	0921030273	Nguyễn Thị	Dung	Nữ	04/11/90	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mô	3.10	Khá	Chính quy	DCMONM54
1460	0921040178	Đinh Văn	Dũng	Nam	16/09/91	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mô	2.41	Trung bình	Chính quy	DCMONM54
1461	0921040027	Trịnh Việt	Dũng	Nam	03/10/91	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mô	2.33	Trung bình	Chính quy	DCMONM54
1462	0921060207	Phạm Tiến	Duy	Nam	19/12/91	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mô	2.56	Khá	Chính quy	DCMONM54
1463	0921040180	Phạm Ngọc	Dương	Nam	26/02/91	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mô	2.83	Khá	Chính quy	DCMONM54
1464	0921040037	Đặng Hoàng	Điệp	Nam	04/03/91	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mô	2.57	Khá	Chính quy	DCMONM54
1465	0921040195	Trần Đức	Hiếu	Nam	26/07/91	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mô	2.34	Trung bình	Chính quy	DCMONM54
1466	0921040203	Vũ Thị	Huệ	Nam	14/03/91	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mô	3.56	Giỏi	Chính quy	DCMONM54
1467	0921040057	Nguyễn Tôn	Hùng	Nam	06/07/91	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mô	2.48	Trung bình	Chính quy	DCMONM54
1468	0921040055	Phạm Xuân	Hùng	Nam	12/10/91	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mô	2.21	Trung bình	Chính quy	DCMONM54
1469	0921040053	Phạm Thế	Huy	Nam	19/09/91	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mô	2.77	Khá	Chính quy	DCMONM54
1470	0921040298	Trần Đình	Hương	Nam	20/04/91	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mô	2.79	Khá	Chính quy	DCMONM54
1471	0921040220	Vũ Minh	Lê	Nam	15/09/91	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mô	2.36	Trung bình	Chính quy	DCMONM54
1472	0921040223	Bùi Ngọc	Lịch	Nam	27/04/90	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mô	2.20	Trung bình	Chính quy	DCMONM54
1473	0921040074	Nguyễn Văn	Luân	Nam	25/10/91	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mô	2.17	Trung bình	Chính quy	DCMONM54
1474	0921040075	Nguyễn Đình	Lương	Nam	18/09/91	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mô	2.65	Khá	Chính quy	DCMONM54
1475	0821040264	Trần Đức	Quý	Nam	01/07/90	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mô	2.07	Trung bình	Chính quy	DCMONM54
1476	0921040250	Nguyễn Văn	Rình	Nam	24/09/91	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mô	2.17	Trung bình	Chính quy	DCMONM54
1477	0921040251	Đinh Anh	Son	Nam	10/07/91	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mô	2.99	Khá	Chính quy	DCMONM54
1478	0921040386	Phạm Hồng	Son	Nam	08/02/91	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mô	2.14	Trung bình	Chính quy	DCMONM54
1479	0921040253	Mai Văn	Tám	Nam	20/06/91	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mô	2.48	Trung bình	Chính quy	DCMONM54
1480	0921040257	Hoàng Phương	Tháo	Nam	19/12/91	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mô	3.16	Khá	Chính quy	DCMONM54

1480

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Điểm Trung	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
1481	0921040369	Phạm Văn	Thắng	Nam	16/11/88	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	2.25	Trung bình	Chính quy	DCMONM54
1482	0921040259	Nguyễn Văn	Thắm	Nam	10/11/91	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	2.67	Khá	Chính quy	DCMONM54
1483	0921040114	Trịnh Văn	Thuyết	Nam	01/05/90	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	2.23	Trung bình	Chính quy	DCMONM54
1484	0821040103	Nguyễn Văn	Thường	Nam	03/05/90	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	2.34	Trung bình	Chính quy	DCMONM54
1485	0921040125	Trần Văn	Trường	Nam	12/09/88	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	2.44	Trung bình	Chính quy	DCMONM54
1486	0921040129	Nguyễn Quang	Tuấn	Nam	16/07/91	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	2.27	Trung bình	Chính quy	DCMONM54
1487	0921040133	Đỗ Văn	Tùng	Nam	20/06/90	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	2.13	Trung bình	Chính quy	DCMONM54
1488	0921040134	Mạc Duy	Tùng	Nam	25/12/91	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	2.78	Khá	Chính quy	DCMONM54
1489	0921040362	Nguyễn Thế	Tuyền	Nam	26/06/91	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	2.37	Trung bình	Chính quy	DCMONM54
1490	0921040293	Đặng Thanh	Xuân	Nam	09/10/91	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	2.24	Trung bình	Chính quy	DCMONM54
1491	0921030164	Đoàn Ngọc	Dũng	Nam	31/01/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Bản đồ	2.60	Khá	Chính quy	DCTDBD54
1492	0921030023	Trần Văn	Dũng	Nam	08/11/90	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Bản đồ	2.52	Khá	Chính quy	DCTDBD54
1493	0921030161	Mai Thị	Duyên	Nam	26/10/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Bản đồ	3.50	Giỏi	Chính quy	DCTDBD54
1494	0921030173	Phạm Văn	Đạt	Nam	15/12/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Bản đồ	2.46	Trung bình	Chính quy	DCTDBD54
1495	0921030171	Vũ Văn	Đạt	Nam	22/07/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Bản đồ	2.46	Trung bình	Chính quy	DCTDBD54
1496	0921030274	Phan Nhật	Đức	Nam	16/04/90	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Bản đồ	2.83	Khá	Chính quy	DCTDBD54
1497	0921030036	Văn Thu	Giang	Nam	06/04/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Bản đồ	3.24	Khá	Chính quy	DCTDBD54
1498	0921030275	Võ Thị Thanh	Hằng	Nam	04/04/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Bản đồ	2.92	Khá	Chính quy	DCTDBD54
1499	0921030042	Phạm Văn	Hệ	Nam	18/12/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Bản đồ	2.68	Khá	Chính quy	DCTDBD54
1500	0921030049	Nguyễn Thị Hồng	Huê	Nam	09/08/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Bản đồ	3.56	Giỏi	Chính quy	DCTDBD54
1501	0921030050	Bùi Quang	Huy	Nam	18/05/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Bản đồ	2.49	Trung bình	Chính quy	DCTDBD54
1502	0921030206	Phạm Đình	Lộc	Nam	04/08/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Bản đồ	2.63	Khá	Chính quy	DCTDBD54
1503	0921030208	Lê Thị	Lương	Nam	08/03/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Bản đồ	2.83	Khá	Chính quy	DCTDBD54
1504	0921030210	Hoàng Thị	Lý	Nam	22/05/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Bản đồ	2.98	Khá	Chính quy	DCTDBD54
1505	0921030213	Nguyễn Thị Xuân	Minh	Nam	07/08/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Bản đồ	3.00	Khá	Chính quy	DCTDBD54
1506	0921030279	Tạ Thị	Phượng	Nam	12/10/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Bản đồ	2.97	Khá	Chính quy	DCTDBD54

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Điểm Trung	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
1507	0921030230	Phạm Thị	Quỳnh	Nam	15/11/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Bản đồ	3.05	Khá	Chính quy	DCTDBD54
1508	0921030138	Bùi Danh	Sinh	Nam	07/08/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Bản đồ	2.71	Khá	Chính quy	DCTDBD54
1509	0921030104	Tạ Thị Minh	Thu	Nam	28/12/90	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Bản đồ	3.47	Giỏi	Chính quy	DCTDBD54
1510	0921030339	Vũ Thị	Tinh	Nam	25/08/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Bản đồ	3.08	Khá	Chính quy	DCTDBD54
1511	0821030173	Nguyễn Đức	Trung	Nam	02/02/90	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Bản đồ	2.27	Trung bình	Chính quy	DCTDBD54
1512	0921030118	Nguyễn Văn	Tuấn	Nam	21/01/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Bản đồ	2.77	Khá	Chính quy	DCTDBD54
1513	0921030122	Nguyễn Mạnh	Tuấn	Nam	15/07/90	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Bản đồ	2.76	Khá	Chính quy	DCTDBD54
1514	0921030359	Tạ Đức	Tuấn	Nam	10/12/90	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Bản đồ	2.88	Khá	Chính quy	DCTDBD54
1515	0921030142	Đặng Văn	Uy	Nam	15/12/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Bản đồ	2.63	Khá	Chính quy	DCTDBD54
1516	0921030345	Hoàng Phương	Anh	Nam	03/11/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	3.36	Giỏi	Chính quy	DCTDDC54
1517	0921030002	Lê Kim	Anh	Nam	15/01/90	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	2.89	Khá	Chính quy	DCTDDC54
1518	0921030146	Vũ Thị Văn	Anh	Nam	10/07/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	2.84	Khá	Chính quy	DCTDDC54
1519	0921030007	Đoàn Tấn	Biển	Nam	30/08/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	2.40	Trung bình	Chính quy	DCTDDC54
1520	0821030197	Dương Thế	Cao	Nam	22/06/89	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	2.53	Khá	Chính quy	DCTDDC54
1521	0921030163	Trần Tiến	Dũng	Nam	29/10/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	2.36	Trung bình	Chính quy	DCTDDC54
1522	0921030017	Đỗ Sĩ	Duy	Nam	27/10/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	2.69	Khá	Chính quy	DCTDDC54
1523	0921030024	Dâm Ngọc	Dương	Nam	24/04/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	2.49	Trung bình	Chính quy	DCTDDC54
1524	0921030033	Hoàng Trung	Đức	Nam	17/06/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	2.80	Khá	Chính quy	DCTDDC54
1525	0921030179	Đỗ Thị Diệu	Hà	Nam	06/05/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	2.65	Khá	Chính quy	DCTDDC54
1526	0921030182	Nguyễn Thế	Hải	Nam	13/02/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	2.51	Khá	Chính quy	DCTDDC54
1527	0921030183	Lê Hùng	Hạnh	Nam	01/01/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	2.44	Trung bình	Chính quy	DCTDDC54
1528	0751030402	Nguyễn Đức	Hạnh	Nam	30/03/89	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	2.33	Trung bình	Chính quy	DCTDDC54
1529	0921030386	Vũ Thị	Hạt	Nam	04/01/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	2.77	Khá	Chính quy	DCTDDC54
1530	0921030373	Nguyễn Phương	Hoa	Nam	30/04/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	3.15	Khá	Chính quy	DCTDDC54
1531	0921030372	Bùi Thị	Huế	Nam	08/01/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	2.81	Khá	Chính quy	DCTDDC54
1532	0921030370	Nguyễn Thị	Huệ	Nam	17/06/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	3.01	Khá	Chính quy	DCTDDC54

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Điểm Trung	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
1533	0921030052	Trần Thị	Huỳnh	Nam	20/09/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	2.99	Khá	Chính quy	DCTDDC54
1534	0921030202	Phạm Thị	Lan	Nam	08/10/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	2.81	Khá	Chính quy	DCTDDC54
1535	0921030205	Nguyễn Khắc	Long	Nam	06/10/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	2.56	Khá	Chính quy	DCTDDC54
1536	0921030063	Trương Ngọc	Long	Nam	14/06/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	2.23	Trung bình	Chính quy	DCTDDC54
1537	0921030389	Vũ Thị	Nga	Nam	26/07/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	2.92	Khá	Chính quy	DCTDDC54
1538	0921030220	Nguyễn Xuân	Nguyễn	Nam	23/09/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	3.00	Khá	Chính quy	DCTDDC54
1539	0921030078	Nguyễn Thị	Nhân	Nam	26/03/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	3.08	Khá	Chính quy	DCTDDC54
1540	0921030329	Trần Thủy	Ninh	Nam	03/03/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	3.27	Giỏi	Chính quy	DCTDDC54
1541	0921030226	Vũ Ngọc	Phượng	Nam	09/03/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	3.28	Giỏi	Chính quy	DCTDDC54
1542	0921030087	Phạm Ngọc	Quý	Nam	26/12/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	2.65	Khá	Chính quy	DCTDDC54
1543	0921030295	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	Nam	08/12/90	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	3.27	Giỏi	Chính quy	DCTDDC54
1544	0921030234	Nguyễn Thị	Tân	Nam	14/11/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	2.90	Khá	Chính quy	DCTDDC54
1545	0921030239	Nguyễn Trung	Thành	Nam	05/07/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	2.47	Trung bình	Chính quy	DCTDDC54
1546	0921030282	Phan Đình	Thắng	Nam	17/08/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	2.67	Khá	Chính quy	DCTDDC54
1547	0821030144	Nguyễn Khắc	Thuần	Nam	17/06/90	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	2.31	Trung bình	Chính quy	DCTDDC54
1548	0921030140	Nguyễn Thị	Thuy	Nam	06/12/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	3.06	Khá	Chính quy	DCTDDC54
1549	0921030105	Đặng Quân	Thuy	Nam	20/12/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	2.70	Khá	Chính quy	DCTDDC54
1550	0921030361	Trần Đình	Thường	Nam	18/07/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	2.99	Khá	Chính quy	DCTDDC54
1551	0921030254	Nguyễn Văn	Toán	Nam	01/03/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	2.47	Trung bình	Chính quy	DCTDDC54
1552	0921030375	Lỗ Văn	Trung	Nam	13/09/90	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	2.73	Khá	Chính quy	DCTDDC54
1553	0921030260	Vũ Văn	Trương	Nam	07/10/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	2.61	Khá	Chính quy	DCTDDC54
1554	0921030314	Nguyễn Thị Diệp	Uyên	Nam	24/03/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	3.28	Giỏi	Chính quy	DCTDDC54
1555	0921030130	Trần Lê Tuấn	Anh	Nam	02/12/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.64	Khá	Chính quy	DCTDDC54A
1556	0921030010	Nghiêm Quốc	Chinh	Nam	20/03/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.40	Trung bình	Chính quy	DCTDDC54A
1557	0921030310	Ngô Văn	Chung	Nam	14/08/90	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.61	Khá	Chính quy	DCTDDC54A
1558	0921030028	Kiều Văn	Đạt	Nam	16/07/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.62	Khá	Chính quy	DCTDDC54A

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Điểm Trung	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
1559	0921030365	Nguyễn Văn	Diệp	Nam	06/03/90	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.62	Khá	Chính quy	DCTDTD_54A
1560	0921030180	Nguyễn Văn	Hải	Nam	21/06/90	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.55	Khá	Chính quy	DCTDTD_54A
1561	0920000218	Ninh Hoa	Hậu	Nữ	09/02/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	3.42	Khá	Chính quy	DCTDTD_54A
1562	0921030186	Nguyễn Đình	Hiếu	Nam	28/11/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.46	Trung bình	Chính quy	DCTDTD_54A
1563	0921030046	Nguyễn Đức	Hòa	Nam	24/10/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.67	Khá	Chính quy	DCTDTD_54A
1564	0921030054	Bùi Đức	Hưng	Nam	14/11/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.35	Trung bình	Chính quy	DCTDTD_54A
1565	0921030277	Đặng Công	Lệ	Nam	15/10/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.65	Khá	Chính quy	DCTDTD_54A
1566	0921030061	Nguyễn Hoàng	Linh	Nam	18/11/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.63	Khá	Chính quy	DCTDTD_54A
1567	0921030065	Đinh Văn	Luân	Nam	26/04/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.64	Khá	Chính quy	DCTDTD_54A
1568	0921030070	Trương Tuấn	Minh	Nam	13/03/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.79	Khá	Chính quy	DCTDTD_54A
1569	0921030074	Vũ Duy	Nam	Nam	03/12/90	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.66	Khá	Chính quy	DCTDTD_54A
1570	0921030218	Đỗ Tuấn	Nghĩa	Nam	23/04/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.78	Khá	Chính quy	DCTDTD_54A
1571	0921030383	Nguyễn Công	Nguyễn	Nam	11/12/90	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.34	Trung bình	Chính quy	DCTDTD_54A
1572	0921030223	Nguyễn Văn	Phú	Nam	30/07/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.89	Khá	Chính quy	DCTDTD_54A
1573	0921030091	Hoàng Văn	Tam	Nam	10/02/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.46	Trung bình	Chính quy	DCTDTD_54A
1574	0921030238	Trần Đoàn	Thành	Nam	20/02/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.55	Khá	Chính quy	DCTDTD_54A
1575	0921030249	Phạm Tri	Thức	Nam	24/11/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.83	Khá	Chính quy	DCTDTD_54A
1576	0921030116	Lê Ngọc	Trung	Nam	20/04/90	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.91	Khá	Chính quy	DCTDTD_54A
1577	0921030266	Bùi Văn	Tú	Nam	24/04/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.51	Khá	Chính quy	DCTDTD_54A
1578	0921030143	Lê Tuấn	Vũ	Nam	13/06/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.76	Khá	Chính quy	DCTDTD_54A
1579	0921030003	Nguyễn Thế	Anh	Nam	04/01/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.46	Trung bình	Chính quy	DCTDTD_54B
1580	0921030005	Nguyễn Thiện	Bách	Nam	20/07/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.68	Khá	Chính quy	DCTDTD_54B
1581	0921030367	Phạm Thành	Công	Nam	14/10/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.42	Trung bình	Chính quy	DCTDTD_54B
1582	0921030015	Là Thị	Diễm	Nam	12/11/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.77	Khá	Chính quy	DCTDTD_54B
1583	0921030021	Đoàn Mạnh	Đùng	Nam	25/06/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	3.01	Khá	Chính quy	DCTDTD_54B
1584	0921030018	Nguyễn Ngọc	Duy	Nam	29/07/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.63	Khá	Chính quy	DCTDTD_54B

1584

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Điểm Trung	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
1585	0921030166	Bui Dinh	Dương	Nam	23/02/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	3.32	Giỏi	Chính quy	DCTDTD_54B
1586	0921030175	Kieu Viet	Đức	Nam	12/03/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.24	Trung bình	Chính quy	DCTDTD_54B
1587	0921030189	Nguyen Thanh	Hòa	Nam	29/09/90	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.56	Khá	Chính quy	DCTDTD_54B
1588	0921030380	Truong Thi Dieu	Linh	Nam	14/04/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.86	Khá	Chính quy	DCTDTD_54B
1589	0921030217	Le Trong	Nam	Nam	04/02/90	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.31	Trung bình	Chính quy	DCTDTD_54B
1590	0921030222	Vuong Duc	On	Nam	03/06/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.49	Trung bình	Chính quy	DCTDTD_54B
1591	0921030228	Nguyen Vinh	Quang	Nam	24/06/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.25	Trung bình	Chính quy	DCTDTD_54B
1592	0921030232	Nguyen Duy	Son	Nam	07/07/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.61	Khá	Chính quy	DCTDTD_54B
1593	0921030099	Bui Van	Thang	Nam	02/12/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.66	Khá	Chính quy	DCTDTD_54B
1594	0921030241	Dao Quoc	Thang	Nam	01/10/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.52	Khá	Chính quy	DCTDTD_54B
1595	0921030107	Nguyen The	Tien	Nam	08/04/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.44	Trung bình	Chính quy	DCTDTD_54B
1596	0921030124	Nguyen Ba	Tu	Nam	22/06/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.59	Khá	Chính quy	DCTDTD_54B
1597	0921030120	Dang Van	Tuan	Nam	29/08/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.18	Trung bình	Chính quy	DCTDTD_54B
1598	0921030387	Pham Minh	Tuan	Nam	01/11/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.49	Trung bình	Chính quy	DCTDTD_54B
1599	0921030343	Lai Thi Ngoc	Bich	Nam	05/12/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	3.06	Khá	Chính quy	DCTDTD_54C
1600	0921030156	Pham Ngoc	Cuong	Nam	02/01/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.20	Trung bình	Chính quy	DCTDTD_54C
1601	0921020190	Tran Huy	Cuong	Nam	12/05/88	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.68	Khá	Chính quy	DCTDTD_54C
1602	0921030346	Cao The	Doan	Nam	17/07/89	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.51	Khá	Chính quy	DCTDTD_54C
1603	0921030037	Do Xuan	Hai	Nam	06/04/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.91	Khá	Chính quy	DCTDTD_54C
1604	0921030039	Vu Hong	Hai	Nam	27/03/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.46	Trung bình	Chính quy	DCTDTD_54C
1605	0921030276	Le Viet	Hoang	Nam	04/03/90	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.44	Trung bình	Chính quy	DCTDTD_54C
1606	0921030360	Ngoc Van	Hoang	Nam	16/06/89	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.63	Khá	Chính quy	DCTDTD_54C
1607	0921030191	Luong Thi	Hong	Nam	15/09/90	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.91	Khá	Chính quy	DCTDTD_54C
1608	0921030196	Nguyen Van	Hung	Nam	04/02/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.63	Khá	Chính quy	DCTDTD_54C
1609	0921030058	Do The	Khiem	Nam	20/09/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.22	Trung bình	Chính quy	DCTDTD_54C
1610	0921030324	Dao Thi Thanh	Loan	Nam	21/08/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	3.33	Giỏi	Chính quy	DCTDTD_54C

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Điểm Trung	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
1611	0921030066	Nguyễn Văn	Lương	Nam	03/03/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.54	Khá	Chính quy	DCTDTD_54C
1612	0921030073	Lê Duy	Nam	Nam	26/11/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	3.23	Giỏi	Chính quy	DCTDTD_54C
1613	0921030216	Ngô Anh	Nam	Nam	26/05/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.41	Trung bình	Chính quy	DCTDTD_54C
1614	0921030221	Hoàng	Nội	Nam	05/09/90	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.56	Khá	Chính quy	DCTDTD_54C
1615	0921030136	Nguyễn Việt	Phúc	Nam	09/10/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	3.05	Khá	Chính quy	DCTDTD_54C
1616	0921030272	Trần Đức	Phước	Nam	27/06/89	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.49	Trung bình	Chính quy	DCTDTD_54C
1617	0921030082	Nguyễn Thị	Phuong	Nam	23/01/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.84	Khá	Chính quy	DCTDTD_54C
1618	0921030090	Hoàng Đăng	Son	Nam	15/11/89	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.73	Khá	Chính quy	DCTDTD_54C
1619	0921030233	Nguyễn Công	Súc	Nam	28/07/90	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.43	Trung bình	Chính quy	DCTDTD_54C
1620	0921030095	Đỗ Văn	Thành	Nam	05/03/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	3.08	Khá	Chính quy	DCTDTD_54C
1621	0921030097	Nguyễn Tiến	Thành	Nam	31/08/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.30	Trung bình	Chính quy	DCTDTD_54C
1622	0921030377	Nguyễn Ngọc	Thăng	Nam	01/07/90	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.94	Khá	Chính quy	DCTDTD_54C
1623	0921030100	Phạm Ngọc	Thăng	Nam	30/11/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.09	Trung bình	Chính quy	DCTDTD_54C
1624	0921030261	Nguyễn Văn	Tuấn	Nam	20/12/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.34	Trung bình	Chính quy	DCTDTD_54C
1625	0921030121	Phạm Anh	Tuấn	Nam	22/10/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.66	Khá	Chính quy	DCTDTD_54C
1626	0921030009	Vũ Thị	Chinh	Nam	20/05/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	3.11	Khá	Chính quy	DCTDTD_54A
1627	0921030155	Phan Văn	Cương	Nam	02/11/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.93	Khá	Chính quy	DCTDTD_54A
1628	0921030293	Vũ Thị	Hòa	Nam	30/09/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.98	Khá	Chính quy	DCTDTD_54A
1629	0921030328	Đỗ Thủy	Huê	Nam	01/09/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	3.11	Khá	Chính quy	DCTDTD_54A
1630	0921030313	Trần Lê	Khoa	Nam	15/11/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.52	Khá	Chính quy	DCTDTD_54A
1631	0921030321	Nguyễn Thị	Liên	Nam	26/02/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	3.14	Khá	Chính quy	DCTDTD_54A
1632	0921030287	Bùi Xuân	Ngọc	Nam	18/04/90	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.97	Khá	Chính quy	DCTDTD_54A
1633	0921030079	Trương Thị	Nương	Nam	26/11/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	3.09	Khá	Chính quy	DCTDTD_54A
1634	0921030330	Nguyễn Văn	Phong	Nam	30/04/89	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.46	Trung bình	Chính quy	DCTDTD_54A
1635	0921030357	Đoàn Thị Thu	Quỳnh	Nam	16/08/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.93	Khá	Chính quy	DCTDTD_54A
1636	0921030127	Bùi Thị Thanh	Vân	Nam	30/11/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	3.26	Giỏi	Chính quy	DCTDTD_54A

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Điểm Trung	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
1637	0921030151	Phùng Linh	Châu	Nam	22/08/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.54	Khá	Chính quy	DCTDID_54B
1638	0921030153	Lê Văn	Công	Nam	12/11/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	3.22	Giỏi	Chính quy	DCTDID_54B
1639	0921030159	Tạ Văn	Doãn	Nam	09/03/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	3.27	Giỏi	Chính quy	DCTDID_54B
1640	0821030321	Nguyễn Thành	Đạt	Nam	26/03/90	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.77	Khá	Chính quy	DCTDID_54B
1641	0921030172	Vũ Duy	Đạt	Nam	07/07/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.78	Khá	Chính quy	DCTDID_54B
1642	0921030315	Trần Thu	Huyền	Nam	22/10/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	3.33	Giỏi	Chính quy	DCTDID_54B
1643	0921030197	Nhật Văn	Hùng	Nam	05/03/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	3.05	Khá	Chính quy	DCTDID_54B
1644	0921030198	Nguyễn Quốc	Khang	Nam	03/02/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.91	Khá	Chính quy	DCTDID_54B
1645	0921030060	Vũ Trọng	Lâm	Nam	25/10/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	3.26	Giỏi	Chính quy	DCTDID_54B
1646	0921030102	Đặng Đình	Thịnh	Nam	02/02/90	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	3.60	Xuất sắc	Chính quy	DCTDID_54B
1647	0921030155	Phạm Thị	Thúy	Nam	16/05/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	3.22	Giỏi	Chính quy	DCTDID_54B
1648	0921030112	Nguyễn Bách	Tổ	Nam	05/04/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	3.06	Khá	Chính quy	DCTDID_54B
1649	0921030356	Phạm Ngọc	Trần	Nam	10/07/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.98	Khá	Chính quy	DCTDID_54B
1650	0921030117	Vũ Văn	Trưởng	Nam	10/11/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	3.41	Giỏi	Chính quy	DCTDID_54B
1651	0921030296	Trần Thị	Thảo	Nam	09/01/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.99	Khá	Chính quy	DCTDID_54C
1652	0921030004	Chu Tuấn	Anh	Nam	08/10/89	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa ảnh, Viễn thám và Hệ thống tin địa lý	2.40	Trung bình	Chính quy	DCTDGI54
1653	0921030294	Nguyễn Tác	Chiến	Nam	24/12/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa ảnh, Viễn thám và Hệ thống tin địa lý	3.01	Khá	Chính quy	DCTDGI54
1654	0921030012	Nguyễn Duy	Cương	Nam	22/12/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa ảnh, Viễn thám và Hệ thống tin địa lý	2.84	Khá	Chính quy	DCTDGI54
1655	0921030022	Lê Tự	Dùng	Nam	17/08/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa ảnh, Viễn thám và Hệ thống tin địa lý	2.60	Khá	Chính quy	DCTDGI54
1656	0921030177	Hoàng Khắc	Đức	Nam	06/03/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa ảnh, Viễn thám và Hệ thống tin địa lý	2.74	Khá	Chính quy	DCTDGI54
1657	0921030178	Nguyễn Trường	Giang	Nam	06/09/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa ảnh, Viễn thám và Hệ thống tin địa lý	2.41	Trung bình	Chính quy	DCTDGI54
1658	0921030132	Nguyễn Hồng	Hải	Nam	04/01/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa ảnh, Viễn thám và Hệ thống tin địa lý	2.53	Khá	Chính quy	DCTDGI54
1659	0921030311	Trần Đình	Hải	Nam	12/04/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa ảnh, Viễn thám và Hệ thống tin địa lý	2.96	Khá	Chính quy	DCTDGI54
1660	0921030041	Vũ Văn	Hậu	Nam	10/07/90	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa ảnh, Viễn thám và Hệ thống tin địa lý	2.26	Trung bình	Chính quy	DCTDGI54
1661	0921030051	Nguyễn Hữu	Huy	Nam	27/12/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa ảnh, Viễn thám và Hệ thống tin địa lý	2.63	Khá	Chính quy	DCTDGI54
1662	0921030194	Vũ Thị Minh	Huyền	Nam	24/11/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa ảnh, Viễn thám và Hệ thống tin địa lý	3.26	Giỏi	Chính quy	DCTDGI54

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Điểm Trung	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
1663	0921030134	Phạm Viết	Kiên	Nam	09/04/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa ảnh, Viễn thám và Hệ thông tin địa lý	3.21	Giỏi	Chính quy	DCTDGI54
1664	0921030204	Đinh Phương	Linh	Nam	02/08/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa ảnh, Viễn thám và Hệ thông tin địa lý	3.09	Khá	Chính quy	DCTDGI54
1665	0921030062	Nguyễn Thị	Loan	Nam	02/06/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa ảnh, Viễn thám và Hệ thông tin địa lý	2.98	Khá	Chính quy	DCTDGI54
1666	0921030067	Nguyễn Đình	Lực	Nam	03/04/88	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa ảnh, Viễn thám và Hệ thông tin địa lý	3.44	Giỏi	Chính quy	DCTDGI54
1667	0921030076	Trần Thị Bích	Ngọc	Nam	05/03/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa ảnh, Viễn thám và Hệ thông tin địa lý	3.52	Giỏi	Chính quy	DCTDGI54
1668	0921030302	Nguyễn Thị	Nhan	Nam	03/01/90	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa ảnh, Viễn thám và Hệ thông tin địa lý	3.38	Giỏi	Chính quy	DCTDGI54
1669	0921030083	Chu Thị	Phương	Nam	19/03/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa ảnh, Viễn thám và Hệ thông tin địa lý	2.95	Khá	Chính quy	DCTDGI54
1670	0921030085	Nguyễn Văn	Quang	Nam	20/10/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa ảnh, Viễn thám và Hệ thông tin địa lý	2.61	Khá	Chính quy	DCTDGI54
1671	0921030137	Lê Đình	Quyết	Nam	09/07/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa ảnh, Viễn thám và Hệ thông tin địa lý	2.77	Khá	Chính quy	DCTDGI54
1672	0921030240	Hoàng Thu	Thảo	Nam	15/08/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa ảnh, Viễn thám và Hệ thông tin địa lý	3.19	Khá	Chính quy	DCTDGI54
1673	0921030103	Nguyễn Thị	Thoa	Nam	03/01/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa ảnh, Viễn thám và Hệ thông tin địa lý	3.36	Giỏi	Chính quy	DCTDGI54
1674	0921030247	Nguyễn Thị	Thuy	Nam	27/07/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa ảnh, Viễn thám và Hệ thông tin địa lý	3.20	Giỏi	Chính quy	DCTDGI54
1675	0921030109	Lương Văn	Tinh	Nam	12/04/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa ảnh, Viễn thám và Hệ thông tin địa lý	2.68	Khá	Chính quy	DCTDGI54
1676	0921030114	Hoàng Thế	Triều	Nam	06/07/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa ảnh, Viễn thám và Hệ thông tin địa lý	2.40	Trung bình	Chính quy	DCTDGI54
1677	0921030341	Trần Văn	Trưởng	Nam	12/10/90	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa ảnh, Viễn thám và Hệ thông tin địa lý	2.62	Khá	Chính quy	DCTDGI54
1678	0921030262	Vũ Đình Thiệp	Tuấn	Nam	11/10/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa ảnh, Viễn thám và Hệ thông tin địa lý	3.14	Khá	Chính quy	DCTDGI54
1679	0921030268	Trần Thanh	Tùng	Nam	18/08/90	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa ảnh, Viễn thám và Hệ thông tin địa lý	2.66	Khá	Chính quy	DCTDGI54
1680	0921030123	Nguyễn ánh	Tuyết	Nam	02/10/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa ảnh, Viễn thám và Hệ thông tin địa lý	3.01	Khá	Chính quy	DCTDGI54
1681	0921030128	Bùi Hồng	Việt	Nam	23/08/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa ảnh, Viễn thám và Hệ thông tin địa lý	2.75	Khá	Chính quy	DCTDGI54
1682	0921030008	Phó Đức	Cánh	Nam	24/10/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa mô - Công trình	2.74	Khá	Chính quy	DCTDTM54
1683	0921030297	Đặng Quốc	Chinh	Nam	29/12/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa mô - Công trình	2.85	Khá	Chính quy	DCTDTM54
1684	0921030011	Bùi Văn	Cương	Nam	06/02/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa mô - Công trình	2.45	Trung bình	Chính quy	DCTDTM54
1685	0921030158	Đỗ Duy	Diện	Nam	02/11/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa mô - Công trình	2.57	Khá	Chính quy	DCTDTM54
1686	0921030162	Đỗ Văn	Dũng	Nam	03/01/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa mô - Công trình	2.69	Khá	Chính quy	DCTDTM54
1687	0921030184	Trương Nguyễn	Hậu	Nam	14/04/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa mô - Công trình	3.45	Giỏi	Chính quy	DCTDTM54
1688	0921030192	Đào Quốc	Huy	Nam	02/09/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa mô - Công trình	2.65	Khá	Chính quy	DCTDTM54

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Điểm Trung	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
1689	0921030053	Nguyễn Quang	Hùng	Nam	10/02/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa mô - Công trình	2.55	Khá	Chính quy	DCTDTM54
1690	0921030201	Trần Thế	Khuong	Nam	22/08/90	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa mô - Công trình	2.47	Trung bình	Chính quy	DCTDTM54
1691	0921030059	Phạm Văn	Kiên	Nam	06/07/90	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa mô - Công trình	2.75	Khá	Chính quy	DCTDTM54
1692	0921030385	Nguyễn Văn	Mạnh	Nam	26/07/90	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa mô - Công trình	2.66	Khá	Chính quy	DCTDTM54
1693	0921030219	Trần Quang	Ngọc	Nam	17/11/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa mô - Công trình	2.95	Khá	Chính quy	DCTDTM54
1694	0921030229	Phạm Duy	Quân	Nam	01/05/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa mô - Công trình	2.75	Khá	Chính quy	DCTDTM54
1695	0921030280	Phạm Trọng	Quỳnh	Nam	11/01/90	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa mô - Công trình	2.63	Khá	Chính quy	DCTDTM54
1696	0921030089	Trần Phú	Sơn	Nam	24/12/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa mô - Công trình	3.42	Giỏi	Chính quy	DCTDTM54
1697	0921030250	Nguyễn Văn	Tiến	Nam	29/10/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa mô - Công trình	2.47	Trung bình	Chính quy	DCTDTM54
1698	0921030256	Vũ Văn	Trang	Nam	25/03/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa mô - Công trình	2.22	Trung bình	Chính quy	DCTDTM54
1699	0821030300	Hoàng Bá	Tri	Nam	30/08/90	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa mô - Công trình	2.74	Khá	Chính quy	DCTDTM54
1700	0921030257	Thân Văn	Trọng	Nam	20/11/86	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa mô - Công trình	2.74	Khá	Chính quy	DCTDTM54
1701	0921030340	Trần Văn	Trường	Nam	30/01/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa mô - Công trình	2.62	Khá	Chính quy	DCTDTM54
1702	0921030369	Nguyễn Văn	Vấn	Nam	15/02/91	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa mô - Công trình	2.65	Khá	Chính quy	DCTDTM54
1703	0921030308	Trịnh Công	Vương	Nam	10/10/89	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa mô - Công trình	2.57	Khá	Chính quy	DCTDTM54

Phòng Đào tạo Đại học

Người lập biểu

TS. Phan Minh Tao

Nguyễn Thị Thanh Thủy

Số: 104/QĐ-MDC-ĐTĐH

Hà Nội, ngày 22 tháng 7 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ “Điều lệ trường Đại học” ban hành theo Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quy chế “Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ” ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy chế “Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ” ban hành kèm theo Quyết định số 388/2013/QĐ-ĐTĐH ngày 18 tháng 04 năm 2013 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ kết quả học tập của sinh viên Lào hệ chính quy;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp đại học cho 23 sinh viên khóa 54 hệ chính quy ngành đào tạo: Kỹ thuật Địa chất, Kỹ thuật Địa vật lý, Kỹ thuật Mỏ và 03 sinh viên khóa 55 hệ chính quy ngành đào tạo: Kế toán, Quản trị kinh doanh (Có danh sách kèm theo);

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Sinh viên được hưởng mọi chế độ theo quy định của Nhà nước.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo Đại học, trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: ĐTĐH, HCTH.



PGS.TS Lê Hải An

1080

DANH SÁCH SINH VIÊN LÀO ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP NĂM 2014

(Kèm theo Quyết định số 904/QĐ.MĐC.ĐTĐH ngày 22 tháng 07 năm 2014)

ST T	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Điểm TBC	Xếp loại TN	Hình thức đào tạo
1	XayKouaha	Teng	20/03/1985	Nam	Bolikhamxay	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2,24	Trung bình	Chính quy
2	Phommahane	ChittaPhong	9/3/1992	Nam	Vientiane	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2,13	Trung bình	Chính quy
3	Norlasin	Ketsada	22/01/1990	Nam	Vientiane	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2,10	Trung bình	Chính quy
4	Faibounheuang	Bounta	8/6/1988	Nam	Savannakhet	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2,24	Trung bình	Chính quy
5	Khounnalath	Hatsadee	6/7/1989	Nữ	Saravanh	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2,55	Khá	Chính quy
6	Luanglath	Anusith	5/1/1990	Nam	Vientiane	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2,22	Trung bình	Chính quy
7	Silavong	Linthong	18/4/1980	Nam	Vientiane	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2,37	Trung bình	Chính quy
8	Vilayhong	Latdani	7/3/1991	Nam	Vientiane	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2,43	Trung bình	Chính quy
9	Keoboulapha	Somvang	15/6/1991	Nam	Salavanh	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2,16	Trung bình	Chính quy
10	Susady	Khamphouthone	10/8/1990	Nam	Vientiane	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	2,73	Khá	Chính quy
11	Bounphaxay	Nongpheng	13/11/1989	Nữ	Houaphanh	Kỹ thuật mỏ	Khai thác mỏ	2,47	Trung bình	Chính quy
12	Chittavong	Himmakone	23/4/1984	Nam	LuangPrabang	Kỹ thuật mỏ	Khai thác mỏ	2,52	Khá	Chính quy
13	Peuakkeo	Sommith	6/12/1991	Nam	Xayyaboury	Kỹ thuật mỏ	Khai thác mỏ	2,08	Trung bình	Chính quy
14	Saxyasone	Sengthong	2/9/1986	Nam	Attapeu	Kỹ thuật mỏ	Khai thác mỏ	2,16	Trung bình	Chính quy
15	Saysamphanh	Champa	7/2/1988	Nam	Vientiane	Kỹ thuật mỏ	Khai thác mỏ	2,74	Khá	Chính quy
16	Keobounheuang	Napsy	3/7/1978	Nam	Sekong	Kỹ thuật mỏ	Khai thác mỏ	2,40	Trung bình	Chính quy
17	Naokhue	Viengkhamvang	10/1/1987	Nam	Xiengkhouang	Kỹ thuật mỏ	Khai thác mỏ	2,38	Trung bình	Chính quy
18	Yang	Chongneng	4/2/1989	Nam	Vientiane	Kỹ thuật mỏ	Khai thác mỏ	2,75	Khá	Chính quy
19	Sengmany	Sayyasone	24/8/1990	Nam	Vientiane	Kỹ thuật mỏ	Khai thác mỏ	2,23	Trung bình	Chính quy
20	Keokhamla	Phouangvanh	20/11/1987	Nam	Houaphanh	Kỹ thuật mỏ	Khai thác mỏ	2,47	Trung bình	Chính quy
21	Moua	Youapria	3/6/1989	Nam	Vientiane	Kỹ thuật mỏ	Khai thác mỏ	2,49	Trung bình	Chính quy
22	Vayongsa	Vansit	22/10/1990	Nam	Vientiane	Kỹ thuật mỏ	Khai thác mỏ	2,96	Khá	Chính quy

23	Phanlavong	Pikky	6/3/1989	Nam	Vientiane	Kỹ thuật mỏ	Khai thác mỏ	2,53	Khá	Chính quy
24	Sidavong	Santhana	27/03/1992	Nam	Houaphanh	Kế toán	Kế toán	2,41	Trung bình	Chính quy
25	Bouavanny	Lamngeune	14/6/1993	Nữ	Vientiane	Kế toán	Kế toán	2,66	Khá	Chính quy
26	Kalikham	Thanongxay	5/1/1983	Nam	LuangNamTha	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2,60	Khá	Chính quy

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Thủy

Phòng Đào tạo Đại học



TS. Phan Minh Tạo

Số: 842/QĐ-MĐC-ĐTĐH

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ “Điều lệ trường Đại học” ban hành theo Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ quy chế “Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy” ban hành kèm theo Quyết định số 25/2006/QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 06 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ kết quả học tập của sinh viên cao đẳng khóa 56 hệ chính quy;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp cao đẳng cho 303 sinh viên khóa 56 ngành: Công nghệ kỹ thuật Trắc địa, Công nghệ kỹ thuật mỏ, Công nghệ kỹ thuật địa chất, Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng, Công nghệ kỹ thuật cơ khí, Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa và Kế toán (Có danh sách kèm theo);

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Sinh viên được hưởng mọi chế độ theo quy định của Nhà nước.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo Đại học, trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: ĐTĐH, HCTH.

HIỆU TRƯỞNG



PGSTS Lê Hải An

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CAO ĐẲNG LẦN 1 NĂM HỌC 2013-2014
(Kèm theo Quyết định số 842/QĐ-MĐC-ĐTDH ngày 8 tháng 8 năm 2014)

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	ĐTB	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
1	1111060013	Nguyễn Hữu	Chung	15/06/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Máy và thiết bị mô	6.39	TB khá	Chính quy	CCCDMT56
2	1111060034	Ngô Hải	Đặng	15/09/92	Nam	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Máy và thiết bị mô	5.82	TB	Chính quy	CCCDMT56
3	1111060040	Đỗ Trung	Đức	30/12/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Máy và thiết bị mô	6.74	TB khá	Chính quy	CCCDMT56
4	1111060051	Bùi Mạnh	Hiệp	15/06/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Máy và thiết bị mô	6.14	TB khá	Chính quy	CCCDMT56
5	1111060086	Hoàng Phương	Nam	05/09/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Máy và thiết bị mô	6.19	TB khá	Chính quy	CCCDMT56
6	1111060094	Tổng Văn	Nam	26/05/91	Nam	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Máy và thiết bị mô	6.35	TB khá	Chính quy	CCCDMT56
7	1111060105	Hà Minh	Quang	02/11/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Máy và thiết bị mô	6.10	TB khá	Chính quy	CCCDMT56
8	1111060144	Nguyễn Văn	Thức	05/08/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Máy và thiết bị mô	6.12	TB khá	Chính quy	CCCDMT56
9	1111060011	Trần Thanh	Bình	05/12/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	7.45	Khá	Chính quy	CCCDTD56A
10	1111060018	Lưu Đức	Cường	07/09/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	6.12	TB khá	Chính quy	CCCDTD56A
11	1111060024	Nguyễn Việt	Dũng	15/07/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	6.23	TB khá	Chính quy	CCCDTD56A
12	1111060032	Trần Quang	Đạt	03/04/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	7.30	Khá	Chính quy	CCCDTD56A
13	1111060037	Trần Văn	Điều	31/10/92	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	5.98	TB	Chính quy	CCCDTD56A
14	1111060044	Nguyễn Tiến	Được	24/12/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	5.90	TB	Chính quy	CCCDTD56A
15	1111060049	Trịnh Văn	Hân	11/08/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	5.98	TB	Chính quy	CCCDTD56A
16	1111060054	Ngô Văn	Hiếu	02/06/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	5.72	TB	Chính quy	CCCDTD56A
17	1111060072	Nguyễn Vũ Hồng	Kỳ	04/05/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	6.13	TB khá	Chính quy	CCCDTD56A

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	ĐTB	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
18	1111060075	Trịnh Văn	Linh	10/06/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	5.71	TB	Chính quy	CCCDTD56A
19	1111060099	Phùng Tuấn	Ninh	25/05/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	6.35	TB khá	Chính quy	CCCDTD56A
20	1111060108	Bùi Văn	Quý	06/02/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	6.25	TB khá	Chính quy	CCCDTD56A
21	1111060132	Trần Văn	Thắng	04/02/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	5.97	TB	Chính quy	CCCDTD56A
22	1111060133	Trần Việt	Thắng	31/12/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	6.39	TB khá	Chính quy	CCCDTD56A
23	1111060142	Phạm Văn	Thùy	21/02/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	6.12	TB khá	Chính quy	CCCDTD56A
24	1111060168	Lê Anh	Văn	23/05/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	6.06	TB khá	Chính quy	CCCDTD56A
25	1111040156	Trần Thị Lan	Vân	29/03/93	Nữ	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	6.45	TB khá	Chính quy	CCCDTD56A
26	1111060001	Nguyễn Trường	An	28/02/90	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	5.99	TB	Chính quy	CCCDTD56B
27	1111060009	Trần Tuấn	Anh	26/09/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	6.58	TB khá	Chính quy	CCCDTD56B
28	1111060026	Lưu Văn	Duy	29/05/92	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	6.01	TB khá	Chính quy	CCCDTD56B
29	1111060031	Nguyễn Văn	Đạt	10/08/91	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	6.39	TB khá	Chính quy	CCCDTD56B
30	1111060048	Nguyễn Thị	Hạnh	02/11/93	Nữ	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	6.83	TB khá	Chính quy	CCCDTD56B
31	1111060057	Lê Văn	Hòa	15/02/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	6.97	TB khá	Chính quy	CCCDTD56B
32	1111060070	Vũ Trung	Kiên	15/01/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	6.58	TB khá	Chính quy	CCCDTD56B
33	1111060077	Hoàng Văn	Long	13/08/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	6.51	TB khá	Chính quy	CCCDTD56B
34	1111060093	Nguyễn Văn	Nam	11/11/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	6.08	TB khá	Chính quy	CCCDTD56B
35	1111060095	Trịnh Văn	Nam	20/10/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	7.09	Khá	Chính quy	CCCDTD56B
36	1111060172	Trần Xuân	Quang	25/03/92	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	6.14	TB khá	Chính quy	CCCDTD56B

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	ĐTB	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
37	1111060110	Ngô Văn	Quyết	15/03/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	6.10	TB khá	Chính quy	CCCDTD56B
38	1111060112	Đặng Xuân	Quỳnh	10/05/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	6.61	TB khá	Chính quy	CCCDTD56B
39	1111060113	Trần Văn	Sang	24/11/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	6.38	TB khá	Chính quy	CCCDTD56B
40	1111060130	Đặng Ngọc	Thắng	14/07/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	7.18	Khá	Chính quy	CCCDTD56B
41	1111060150	Lại Hoàng	Tôn	05/10/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	6.73	TB khá	Chính quy	CCCDTD56B
42	1111020006	Phạm Văn	Anh	26/03/93	Nữ	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	6.06	TB khá	Chính quy	CCDCDC56A
43	1111020015	Nguyễn Quang	Chiến	12/12/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	5.85	TB	Chính quy	CCDCDC56A
44	1111020044	Vũ Ngọc	Đương	02/10/92	Nam	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	5.78	TB	Chính quy	CCDCDC56A
45	1111020084	Trần Thị	Lan	07/03/93	Nữ	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	7.54	Khá	Chính quy	CCDCDC56A
46	1111020114	Trần Đình	Ngọc	14/07/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	6.30	TB khá	Chính quy	CCDCDC56A
47	1111020118	Đặng Thị	Phương	03/12/93	Nữ	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	7.27	Khá	Chính quy	CCDCDC56A
48	1111020122	Lê Đức	Quý	08/05/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	6.30	TB khá	Chính quy	CCDCDC56A
49	1111020151	Lộc Văn	Thường	10/03/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	5.94	TB	Chính quy	CCDCDC56A
50	1011020133	Hà Trọng	Tiến	29/10/92	Nam	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	6.15	TB khá	Chính quy	CCDCDC56A
51	1111020163	Trần Mạnh	Tú	10/12/90	Nam	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	5.67	TB	Chính quy	CCDCDC56A
52	1111020167	Trần Văn	Tuấn	08/12/92	Nam	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	6.00	TB khá	Chính quy	CCDCDC56A
53	1111020173	Phạm Văn	Vinh	08/05/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	6.26	TB khá	Chính quy	CCDCDC56A
54	1111020008	Trần Văn	Anh	26/11/92	Nữ	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	7.25	Khá	Chính quy	CCDCDC56B
55	1111020009	Bùi Thị	ánh	18/04/93	Nữ	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	6.73	TB khá	Chính quy	CCDCDC56B

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	ĐTB	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
56	1111020020	Nguyễn Tiến	Chung	21/04/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	6.13	TB khá	Chính quy	CCDCDC56B
57	1011020027	Trình Quốc	Dũng	08/02/92	Nam	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	6.28	TB khá	Chính quy	CCDCDC56B
58	1111020033	Phạm Văn	Duy	14/07/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	5.90	TB	Chính quy	CCDCDC56B
59	1111020060	Nguyễn Văn	Hiếu	13/03/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	6.17	TB khá	Chính quy	CCDCDC56B
60	1111020067	Đào Ngọc	Hội	12/12/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	5.66	TB	Chính quy	CCDCDC56B
61	1111020077	Phạm Văn	Khang	14/10/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	7.15	Khá	Chính quy	CCDCDC56B
62	1111020082	Hàn Văn	Kỳ	02/08/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	5.97	TB	Chính quy	CCDCDC56B
63	1111020091	Hứa Thị Thùy	Linh	22/05/93	Nữ	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	6.21	TB khá	Chính quy	CCDCDC56B
64	1111020099	Hà Thị	Mai	25/04/93	Nữ	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	6.55	TB khá	Chính quy	CCDCDC56B
65	1111020100	Ngô Văn	Mạnh	09/10/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	6.00	TB khá	Chính quy	CCDCDC56B
66	1111020101	Hà Bình	Minh	11/11/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	5.99	TB	Chính quy	CCDCDC56B
67	1111020102	Nguyễn Văn	Minh	23/06/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	7.13	Khá	Chính quy	CCDCDC56B
68	1111020104	Nguyễn Công	Nam	24/08/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	5.85	TB	Chính quy	CCDCDC56B
69	1111020108	Phạm Thị	Nga	10/06/93	Nữ	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	6.67	TB khá	Chính quy	CCDCDC56B
70	1111020111	Đỗ Bá	Nghĩa	14/04/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	7.69	Khá	Chính quy	CCDCDC56B
71	1111020120	Nguyễn Minh	Quang	09/03/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	6.10	TB khá	Chính quy	CCDCDC56B
72	1111020134	Lê Ngọc	Son	20/09/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	5.93	TB	Chính quy	CCDCDC56B
73	1111020136	Trần Văn	Tâm	15/10/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	6.25	TB khá	Chính quy	CCDCDC56B
74	1111020144	Ngô Đình	Thị	19/07/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	6.65	TB khá	Chính quy	CCDCDC56B

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	ĐTB	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
75	1111020147	Hoàng Thị	Thủy	12/08/93	Nữ	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	6.83	TB khá	Chính quy	CCDCDC56B
76	1111020003	Nguyễn Tiến	Anh	01/01/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	6.13	TB khá	Chính quy	CCDCDC56C
77	1111070006	Nguyễn Tuấn	Anh	19/09/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	5.81	TB	Chính quy	CCDCDC56C
78	1111040004	Vương Quốc	Anh	28/11/87	Nam	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	5.80	TB	Chính quy	CCDCDC56C
79	1111020011	Trần Thị	Bích	05/01/93	Nữ	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	6.73	TB khá	Chính quy	CCDCDC56C
80	1111020018	Đào Thị	Chúc	02/09/93	Nữ	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	6.92	TB khá	Chính quy	CCDCDC56C
81	1111020036	Nguyễn Văn	Đáng	07/10/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	6.02	TB khá	Chính quy	CCDCDC56C
82	1111020046	Hoàng Thị	Giang	10/05/93	Nữ	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	7.06	Khá	Chính quy	CCDCDC56C
83	1111020050	Đinh Đức	Hài	05/03/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	6.08	TB khá	Chính quy	CCDCDC56C
84	1111020053	Tạ Huy	Hài	29/07/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	5.97	TB	Chính quy	CCDCDC56C
85	1111020057	Nguyễn Văn	Hiệp	20/03/90	Nam	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	5.93	TB	Chính quy	CCDCDC56C
86	1111020065	Đào Thị Quỳnh	Hoa	01/11/92	Nữ	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	6.53	TB khá	Chính quy	CCDCDC56C
87	1111020179	Trần Văn	Hoàng	07/11/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	6.18	TB khá	Chính quy	CCDCDC56C
88	1111020083	Lê Quang	Lam	19/01/92	Nam	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	6.08	TB khá	Chính quy	CCDCDC56C
89	1111020088	Phạm Văn	Lin	17/01/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	6.49	TB khá	Chính quy	CCDCDC56C
90	1111020095	Trần Văn	Luật	11/08/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	6.01	TB khá	Chính quy	CCDCDC56C
91	1111020098	Bùi Thị	Mai	06/03/93	Nữ	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	6.28	TB khá	Chính quy	CCDCDC56C
92	1111020110	Dương Minh	Nghĩa	25/07/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	6.15	TB khá	Chính quy	CCDCDC56C
93	1111020119	Ngô Thị Mai	Phương	27/08/93	Nữ	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	6.54	TB khá	Chính quy	CCDCDC56C

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	ĐTB	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
94	1111020121	Trần Văn Nguyễn	Quang	30/09/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	6.06	TB khá	Chính quy	CCDCDC56C
95	1111020135	Nguyễn Thanh	Tài	20/10/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	6.13	TB khá	Chính quy	CCDCDC56C
96	1111020137	Đặng Văn	Thái	08/07/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	6.27	TB khá	Chính quy	CCDCDC56C
97	1111020149	Lê Thị	Thúy	29/04/92	Nữ	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	6.35	TB khá	Chính quy	CCDCDC56C
98	1111070001	Đào Thị Thúy	An	23/09/93	Nữ	Kế toán	Kế toán	7.03	Khá	Chính quy	CCKTKT56A
99	1111070003	Đào Thị Vân	Anh	30/06/93	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.31	TB khá	Chính quy	CCKTKT56A
100	1111060006	Nguyễn Thị Lan	Anh	21/08/93	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.14	TB khá	Chính quy	CCKTKT56A
101	1111070013	Nguyễn Việt	Chiến	05/07/93	Nam	Kế toán	Kế toán	6.10	TB khá	Chính quy	CCKTKT56A
102	1114010005	Nguyễn Thị	Chung	08/03/93	Nữ	Kế toán	Kế toán	7.16	Khá	Chính quy	CCKTKT56A
103	1114010007	Cao Anh	Địu	27/01/93	Nữ	Kế toán	Kế toán	5.84	TB	Chính quy	CCKTKT56A
104	1114010008	Nguyễn Thị	Dung	10/01/93	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.54	TB khá	Chính quy	CCKTKT56A
105	1114010013	Nguyễn Ngọc	Hà	27/02/93	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.72	TB khá	Chính quy	CCKTKT56A
106	1114010014	Nguyễn Thu	Hà	01/12/93	Nữ	Kế toán	Kế toán	7.29	Khá	Chính quy	CCKTKT56A
107	1114010025	Phan Thanh	Hoa	14/03/93	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.44	TB khá	Chính quy	CCKTKT56A
108	1114010029	Vũ Thị	Hoài	05/08/93	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.63	TB khá	Chính quy	CCKTKT56A
109	1111020074	Phạm Thị	Hương	29/11/93	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.60	TB khá	Chính quy	CCKTKT56A
110	1114010035	Trần Thị	Hương	24/03/93	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.91	TB khá	Chính quy	CCKTKT56A
111	1114010038	Trịnh Thúy	Hường	23/01/93	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.31	TB khá	Chính quy	CCKTKT56A
112	1114010041	Lê Thị	Lan	24/10/93	Nữ	Kế toán	Kế toán	7.33	Khá	Chính quy	CCKTKT56A

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	ĐTB	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
113	1111020089	Đào Diệu	Linh	27/06/93	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.63	TB khá	Chính quy	CCKTKT56A
114	1114010046	Nguyễn Thị	Linh	12/01/93	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.34	TB khá	Chính quy	CCKTKT56A
115	1111030069	Nguyễn Diệu	Ly	06/01/93	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.05	TB khá	Chính quy	CCKTKT56A
116	1114010054	Nguyễn Thị	Ly	28/12/93	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.13	TB khá	Chính quy	CCKTKT56A
117	1114010056	Đoãn Thị Sao	Mai	26/05/93	Nữ	Kế toán	Kế toán	7.94	Khá	Chính quy	CCKTKT56A
118	1114010058	Lê Thị Ngọc	Mai	27/03/93	Nữ	Kế toán	Kế toán	7.71	Khá	Chính quy	CCKTKT56A
119	1114010060	Phạm Thị Hồng	Mến	06/11/93	Nữ	Kế toán	Kế toán	7.72	Khá	Chính quy	CCKTKT56A
120	1114010066	Lại Thị	Ngát	17/03/93	Nữ	Kế toán	Kế toán	7.43	Khá	Chính quy	CCKTKT56A
121	1114010068	Nguyễn Thị Tuyết	Ngân	30/08/92	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.60	TB khá	Chính quy	CCKTKT56A
122	1114010074	Trần Danh	Ngọc	17/05/93	Nam	Kế toán	Kế toán	6.08	TB khá	Chính quy	CCKTKT56A
123	1114010077	Lê Thị	Nhung	20/12/92	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.87	TB khá	Chính quy	CCKTKT56A
124	1114010092	Nguyễn Thanh	Tâm	26/06/93	Nữ	Kế toán	Kế toán	7.33	Khá	Chính quy	CCKTKT56A
125	1111070098	Trịnh Thị Phương	Thảo	29/03/93	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.22	TB khá	Chính quy	CCKTKT56A
126	1111060140	Nguyễn Xuân	Thông	27/02/93	Nam	Kế toán	Kế toán	6.40	TB khá	Chính quy	CCKTKT56A
127	1114010103	Phan Thị	Thu	23/09/93	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.77	TB khá	Chính quy	CCKTKT56A
128	1111020148	Nguyễn Thị	Thùy	05/09/93	Nữ	Kế toán	Kế toán	7.63	Khá	Chính quy	CCKTKT56A
129	1114010110	Cao Quỳnh	Trang	31/10/93	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.96	TB khá	Chính quy	CCKTKT56A
130	1114010113	Mai Thị	Trang	05/04/93	Nữ	Kế toán	Kế toán	5.87	TB	Chính quy	CCKTKT56A
131	1114010117	Quách Thị	Trang	18/02/93	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.75	TB khá	Chính quy	CCKTKT56A

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	ĐTB	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
132	1114010118	Vũ Thị Thu	Trang	10/11/93	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.54	TB khá	Chính quy	CCKTKT56A
133	1114010129	Đỗ Thị Thanh	Vân	09/01/93	Nữ	Kế toán	Kế toán	7.37	Khá	Chính quy	CCKTKT56A
134	1114010131	Phạm Thị	Vân	28/09/93	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.21	TB khá	Chính quy	CCKTKT56A
135	1114010132	Vũ Thị Thanh	Vân	30/10/93	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.69	TB khá	Chính quy	CCKTKT56A
136	1114010133	Nguyễn Thị	Yến	26/12/93	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.92	TB khá	Chính quy	CCKTKT56A
137	1111060003	Hoàng Tuấn	Anh	25/01/93	Nam	Kế toán	Kế toán	7.49	Khá	Chính quy	CCKTKT56B
138	1114010003	Nguyễn Thị Vân	Anh	25/10/93	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.75	TB khá	Chính quy	CCKTKT56B
139	1114010006	Phạm Thị Bích	Diệp	05/10/93	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.45	TB khá	Chính quy	CCKTKT56B
140	1114010012	Phạm Thị	Giang	22/06/93	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.89	TB khá	Chính quy	CCKTKT56B
141	1111070030	Trần Thị	Hà	12/06/93	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.59	TB khá	Chính quy	CCKTKT56B
142	1114010017	Lại Bích	Hạnh	23/12/93	Nữ	Kế toán	Kế toán	7.31	Khá	Chính quy	CCKTKT56B
143	1114010021	Vũ Thị	Hằng	31/01/93	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.13	TB khá	Chính quy	CCKTKT56B
144	1111020061	Trương Quang	Hiếu	16/05/93	Nam	Kế toán	Kế toán	6.10	TB khá	Chính quy	CCKTKT56B
145	1114010024	Nguyễn Thị	Hoa	26/08/93	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.82	TB khá	Chính quy	CCKTKT56B
146	1114010030	Nguyễn Thị	Hồng	01/08/93	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.31	TB khá	Chính quy	CCKTKT56B
147	1114010031	Nguyễn Ngọc	Huân	14/04/93	Nam	Kế toán	Kế toán	6.25	TB khá	Chính quy	CCKTKT56B
148	1114010032	Trần Thị	Huế	18/10/93	Nữ	Kế toán	Kế toán	7.03	Khá	Chính quy	CCKTKT56B
149	1114010033	Hà Thanh	Huyền	27/06/93	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.63	TB khá	Chính quy	CCKTKT56B
150	1111070052	Trần Thị Lan	Hương	16/06/93	Nữ	Kế toán	Kế toán	7.21	Khá	Chính quy	CCKTKT56B

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	ĐTB	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
151	1114010036	Nguyễn Thị	Hương	12/05/92	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.53	TB khá	Chính quy	CKTKT56B
152	1114010037	Nguyễn Thị	Hương	12/09/93	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.59	TB khá	Chính quy	CKTKT56B
153	1114010043	Lưu Thị Thùy	Linh	28/12/93	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.43	TB khá	Chính quy	CKTKT56B
154	1114010044	Nguyễn Diệu	Linh	03/06/93	Nữ	Kế toán	Kế toán	7.68	Khá	Chính quy	CKTKT56B
155	1114010045	Nguyễn Thị	Linh	02/01/93	Nữ	Kế toán	Kế toán	7.01	Khá	Chính quy	CKTKT56B
156	1114010049	Lương Thị	Loan	24/01/92	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.51	TB khá	Chính quy	CKTKT56B
157	1114010061	Trần Thị Thu	Minh	21/12/93	Nữ	Kế toán	Kế toán	7.11	Khá	Chính quy	CKTKT56B
158	1114010073	Ta Thị ánh	Ngọc	01/03/93	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.54	TB khá	Chính quy	CKTKT56B
159	1114010075	Bùi Thị	Nhung	05/01/93	Nữ	Kế toán	Kế toán	7.19	Khá	Chính quy	CKTKT56B
160	1111060096	Đào Thị Cẩm	Nhung	27/12/93	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.15	TB khá	Chính quy	CKTKT56B
161	1114010081	Đỗ Ngọc	Oanh	05/11/92	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.46	TB khá	Chính quy	CKTKT56B
162	1111070078	Đào Tuấn	Phong	07/09/93	Nam	Kế toán	Kế toán	5.96	TB	Chính quy	CKTKT56B
163	1111020125	Trịnh Văn	Quyết	02/08/92	Nam	Kế toán	Kế toán	6.19	TB khá	Chính quy	CKTKT56B
164	1114010088	Phạm Thị	Sáu	08/04/93	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.68	TB khá	Chính quy	CKTKT56B
165	1114010089	Nguyễn Thị	Sen	03/02/93	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.19	TB khá	Chính quy	CKTKT56B
166	1114010094	Nguyễn Thị	Thanh	01/06/93	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.86	TB khá	Chính quy	CKTKT56B
167	1114010099	Vũ Thị	Thảo	18/10/93	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.63	TB khá	Chính quy	CKTKT56B
168	1111060143	Phạm Thị Minh	Thủy	01/09/93	Nữ	Kế toán	Kế toán	7.47	Khá	Chính quy	CKTKT56B
169	1114010112	Lê Thị	Trang	15/04/93	Nữ	Kế toán	Kế toán	7.60	Khá	Chính quy	CKTKT56B

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	ĐTB	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
170	1111070111	Ngô Thị Thu	Trang	07/03/93	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.13	TB khá	Chính quy	CKTKT56B
171	11114010116	Phạm Thị Thùy	Trang	20/10/93	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.93	TB khá	Chính quy	CKTKT56B
172	1111060152	Trương Minh	Trang	28/11/93	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.36	TB khá	Chính quy	CKTKT56B
173	11114010119	Lê Thị	Trình	30/06/93	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.84	TB khá	Chính quy	CKTKT56B
174	11114010120	Lê Anh	Trung	06/09/93	Nam	Kế toán	Kế toán	6.12	TB khá	Chính quy	CKTKT56B
175	11114010135	Nguyễn Thị Hải	Yến	28/12/92	Nữ	Kế toán	Kế toán	7.38	Khá	Chính quy	CKTKT56B
176	1011040002	Lương Tuấn	Anh	23/11/92	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	6.43	TB khá	Chính quy	CCMOKT56A
177	1111070004	Nguyễn Đức	Anh	18/09/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	6.80	TB khá	Chính quy	CCMOKT56A
178	1111040010	Hoàng Thị	Chuyên	15/02/91	Nữ	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	6.58	TB khá	Chính quy	CCMOKT56A
179	1111040039	Chào A	Đu	20/11/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	6.51	TB khá	Chính quy	CCMOKT56A
180	1111040045	Đặng Trường	Giang	19/07/91	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	6.73	TB khá	Chính quy	CCMOKT56A
181	1111040046	Vũ Đức	Giang	14/08/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	6.39	TB khá	Chính quy	CCMOKT56A
182	1111040053	Nguyễn Thế	Hiển	15/05/92	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	6.25	TB khá	Chính quy	CCMOKT56A
183	1111040061	Đào Văn	Huy	07/09/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	6.03	TB khá	Chính quy	CCMOKT56A
184	1111040064	Vũ Khắc	Huỳnh	10/11/92	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	6.27	TB khá	Chính quy	CCMOKT56A
185	1111040071	Dương Mạnh	Khải	22/06/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	6.42	TB khá	Chính quy	CCMOKT56A
186	1111040074	Lê Duy	Khánh	05/07/92	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	6.34	TB khá	Chính quy	CCMOKT56A
187	1111040076	Nguyễn Quý	Kiểm	03/10/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	6.12	TB khá	Chính quy	CCMOKT56A
188	1111040078	Nguyễn Thị Mai	Lan	17/04/93	Nữ	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	6.66	TB khá	Chính quy	CCMOKT56A

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	ĐTB	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
189	1111040088	Vũ Văn	Mạnh	28/10/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	6.39	TB khá	Chính quy	CCMOKT56A
190	1111040093	Nguyễn Hoàng	Nam	28/07/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	6.27	TB khá	Chính quy	CCMOKT56A
191	1111040098	Đình Văn	Phi	30/10/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	6.26	TB khá	Chính quy	CCMOKT56A
192	1111070079	Vũ Tuấn	Phong	30/11/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	6.51	TB khá	Chính quy	CCMOKT56A
193	1111040101	Nguyễn Văn	Phú	21/09/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	6.55	TB khá	Chính quy	CCMOKT56A
194	1111040102	Trần Thiện	Phú	04/10/92	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	6.56	TB khá	Chính quy	CCMOKT56A
195	1111040118	Phạm Thanh	Son	27/09/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	6.30	TB khá	Chính quy	CCMOKT56A
196	1111040123	Phạm Văn	Thành	02/08/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	6.34	TB khá	Chính quy	CCMOKT56A
197	1111040125	Trần Công	Thành	10/01/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	6.46	TB khá	Chính quy	CCMOKT56A
198	1111040132	Bùi Xuân	Thiện	20/08/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	6.98	TB khá	Chính quy	CCMOKT56A
199	1111070104	Nguyễn Thị	Thom	18/08/93	Nữ	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	6.79	TB khá	Chính quy	CCMOKT56A
200	1111040137	Lê Thị Ngọc	Thuy	25/08/93	Nữ	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	6.81	TB khá	Chính quy	CCMOKT56A
201	1111040141	Nguyễn Quang	Toàn	03/02/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	6.90	TB khá	Chính quy	CCMOKT56A
202	1111040145	Nguyễn Đức	Trương	13/03/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	6.80	TB khá	Chính quy	CCMOKT56A
203	1111040146	Nguyễn Đức	Trương	28/12/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	6.27	TB khá	Chính quy	CCMOKT56A
204	1111040161	Nguyễn Anh	Tuấn	11/05/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	6.94	TB khá	Chính quy	CCMOKT56A
205	1111040155	Nguyễn Thị	Văn	09/02/93	Nữ	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	6.97	TB khá	Chính quy	CCMOKT56A
206	1111040158	Hồ Hữu	Vinh	27/10/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	6.37	TB khá	Chính quy	CCMOKT56A
207	1111040020	Phạm Văn	Đậu	22/02/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	6.73	TB khá	Chính quy	CCMOKT56B

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	ĐTB	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
208	1111040023	Vũ Văn	Đuẩn	20/05/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	6.34	TB khá	Chính quy	CCMOKT56B
209	1111040051	Trần Xuân	Hải	12/05/92	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	6.28	TB khá	Chính quy	CCMOKT56B
210	1111040066	Trần Đình	Hùng	26/09/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	6.60	TB khá	Chính quy	CCMOKT56B
211	1111040080	Hoàng Văn	Linh	15/03/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	6.12	TB khá	Chính quy	CCMOKT56B
212	1111040081	Lương Hoàng	Long	02/03/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	6.49	TB khá	Chính quy	CCMOKT56B
213	1111040086	Nguyễn Tiến	Manh	16/12/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	6.00	TB khá	Chính quy	CCMOKT56B
214	1111040087	Trần Thế	Manh	02/05/92	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	6.34	TB khá	Chính quy	CCMOKT56B
215	1111040090	Nguyễn Văn	Minh	05/08/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	6.99	TB khá	Chính quy	CCMOKT56B
216	1111030089	Nguyễn Mạnh	Quỳnh	14/02/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	6.38	TB khá	Chính quy	CCMOKT56B
217	1111040113	Nguyễn Minh	Sáng	17/07/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	6.30	TB khá	Chính quy	CCMOKT56B
218	1111040121	Đặng Tiến	Thái	12/10/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	6.25	TB khá	Chính quy	CCMOKT56B
219	1111040122	Bùi Quang	Thành	03/02/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	6.27	TB khá	Chính quy	CCMOKT56B
220	1111040128	Dương Minh	Thăng	21/07/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	6.20	TB khá	Chính quy	CCMOKT56B
221	1111070100	Lê Huy	Thăng	13/02/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	6.71	TB khá	Chính quy	CCMOKT56B
222	1111040131	Nguyễn Văn	Thích	03/09/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	6.15	TB khá	Chính quy	CCMOKT56B
223	1111040136	Bùi Thị Thanh	Thùy	03/07/93	Nữ	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	7.14	Khá	Chính quy	CCMOKT56B
224	1111040151	Hồ Sỹ	Tùng	03/10/92	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	6.30	TB khá	Chính quy	CCMOKT56B
225	1111040153	Đinh Hai	Tuyền	09/05/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	6.79	TB khá	Chính quy	CCMOKT56B
226	1111070010	Nguyễn Đức	Cánh	16/03/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	5.95	TB	Chính quy	CCMONM56A

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	ĐTB	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
227	1111070015	Phan Việt	Chinh	30/08/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	6.46	TB khá	Chính quy	CCMONM56A
228	1111070020	Đoàn Kim	Dung	03/08/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	6.79	TB khá	Chính quy	CCMONM56A
229	1111070034	Nguyễn Văn	Hiệp	31/12/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	5.96	TB	Chính quy	CCMONM56A
230	1111070050	Nguyễn Thế	Hung	05/04/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	6.57	TB khá	Chính quy	CCMONM56A
231	1111070053	Đào Văn	Khánh	11/02/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	5.85	TB	Chính quy	CCMONM56A
232	1111070061	Đào Sỹ	Long	12/01/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	5.92	TB	Chính quy	CCMONM56A
233	1111070063	Nguyễn Văn	Long	06/09/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	6.40	TB khá	Chính quy	CCMONM56A
234	1111070064	Chu Hữu	Luân	10/10/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	5.85	TB	Chính quy	CCMONM56A
235	1111070067	Lưu Tiến	Mạnh	16/08/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	5.60	TB	Chính quy	CCMONM56A
236	1111070069	Lê Xuân	Minh	23/06/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	6.18	TB khá	Chính quy	CCMONM56A
237	1111070071	Mai Văn	Mùi	02/12/91	Nam	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	5.96	TB	Chính quy	CCMONM56A
238	1111070082	Tổng Bá	Quang	10/02/92	Nam	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	5.95	TB	Chính quy	CCMONM56A
239	1111070095	Bùi Tất	Thành	19/04/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	6.08	TB khá	Chính quy	CCMONM56A
240	1111070113	Lê Đức	Trung	12/01/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	6.27	TB khá	Chính quy	CCMONM56A
241	1111070125	Nguyễn Đình	Tuấn	02/04/92	Nam	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	6.01	TB khá	Chính quy	CCMONM56A
242	1111070127	Trần Văn	Tuấn	06/03/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	6.17	TB khá	Chính quy	CCMONM56A
243	1111040002	Nguyễn Đức	Anh	12/02/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	5.51	TB	Chính quy	CCMONM56B
244	1111070017	Hoàng Văn	Công	26/09/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	6.33	TB khá	Chính quy	CCMONM56B
245	1111070025	Nguyễn Hữu	Dương	05/06/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	6.36	TB khá	Chính quy	CCMONM56B

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	ĐTB	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
246	1111070032	Trần Văn	Hậu	07/04/92	Nam	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mô	6.20	TB khá	Chính quy	CCMONM56B
247	1111070033	Nguyễn Văn	Hiển	02/10/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mô	6.01	TB khá	Chính quy	CCMONM56B
248	1111070036	Cao Xuân	Hiếu	06/04/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mô	6.03	TB khá	Chính quy	CCMONM56B
249	1111070043	Vũ Đức	Hồng	06/06/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mô	6.28	TB khá	Chính quy	CCMONM56B
250	1111070044	Nguyễn Gia	Hon	12/10/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mô	6.02	TB khá	Chính quy	CCMONM56B
251	1111070051	Phạm Văn	Hung	28/02/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mô	6.32	TB khá	Chính quy	CCMONM56B
252	1111070056	Hà Đức	Kiên	25/11/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mô	6.50	TB khá	Chính quy	CCMONM56B
253	1111070073	Nguyễn Xuân	Nam	30/09/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mô	6.91	TB khá	Chính quy	CCMONM56B
254	1111070076	Hoàng Thị Trọng	Nhân	18/06/93	Nữ	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mô	7.03	Khá	Chính quy	CCMONM56B
255	1011040124	Nguyễn Văn	Tân	01/09/92	Nam	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mô	5.83	TB	Chính quy	CCMONM56B
256	1111070093	Phạm Hồng	Thái	12/05/90	Nam	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mô	6.14	TB khá	Chính quy	CCMONM56B
257	1111070115	Nguyễn Hữu	Trung	25/12/92	Nam	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mô	5.88	TB	Chính quy	CCMONM56B
258	1111070116	Nguyễn Đắc	Trưởng	15/02/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mô	6.97	TB khá	Chính quy	CCMONM56B
259	1111070119	Đặng Quốc	Tuân	15/11/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mô	6.21	TB khá	Chính quy	CCMONM56B
260	1111070120	Tăng Minh	Tuân	10/04/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mô	6.10	TB khá	Chính quy	CCMONM56B
261	1111070121	Cao Anh	Tuân	18/07/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mô	6.70	TB khá	Chính quy	CCMONM56B
262	1111070122	Cao Mạnh	Tuấn	07/10/92	Nam	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mô	5.93	TB	Chính quy	CCMONM56B
263	1111070129	Cao Văn	Tùng	09/06/92	Nam	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mô	6.58	TB khá	Chính quy	CCMONM56B
264	1111060007	Phạm Thị Kim	Anh	06/02/93	Nữ	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	5.94	TB	Chính quy	CCTD56A

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	ĐTB	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
265	1111030009	Nguyễn Văn	Chiến	21/01/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	6.12	TB khá	Chính quy	CCTDTD56A
266	1111030015	Đỗ Quang	Dũng	06/09/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	6.05	TB khá	Chính quy	CCTDTD56A
267	1111030030	Phan Văn	Đức	13/09/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	6.41	TB khá	Chính quy	CCTDTD56A
268	1111030044	Nguyễn Thu	Hoài	18/07/93	Nữ	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	6.17	TB khá	Chính quy	CCTDTD56A
269	1111030047	Lương Văn	Hoàng	17/02/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	6.03	TB khá	Chính quy	CCTDTD56A
270	1011030082	Phạm Nghĩa	Phong	15/07/92	Nam	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	5.77	TB	Chính quy	CCTDTD56A
271	1111030096	Đào Ngọc	Thái	11/08/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	6.72	TB khá	Chính quy	CCTDTD56A
272	1111030098	Lê Viết	Thanh	09/12/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	6.79	TB khá	Chính quy	CCTDTD56A
273	1111030099	Trần Thị	Thanh	08/09/93	Nữ	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	6.83	TB khá	Chính quy	CCTDTD56A
274	1111030100	Nguyễn Văn	Thanh	24/04/91	Nam	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	6.26	TB khá	Chính quy	CCTDTD56A
275	1111030109	Nguyễn Văn	Thuận	11/08/92	Nam	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	6.76	TB khá	Chính quy	CCTDTD56A
276	1111030120	Đào Xuân	Tuấn	20/03/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	6.25	TB khá	Chính quy	CCTDTD56A
277	1111030123	Trần Minh	Tuấn	09/10/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	6.28	TB khá	Chính quy	CCTDTD56A
278	1111030134	Bùi Xuân	Vỹ	14/12/92	Nam	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	5.97	TB	Chính quy	CCTDTD56A
279	1111030003	Trần Thế	Anh	23/11/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	6.39	TB khá	Chính quy	CCTDTD56B
280	1111030007	Trần Dự Thanh	Bình	19/09/91	Nữ	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	6.60	TB khá	Chính quy	CCTDTD56B
281	1111030013	Lê Lương	Cường	20/05/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	6.41	TB khá	Chính quy	CCTDTD56B
282	1111030014	Phạm Văn	Cường	19/06/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	6.35	TB khá	Chính quy	CCTDTD56B
283	1111030016	Đỗ Xuân	Dũng	09/06/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	6.62	TB khá	Chính quy	CCTDTD56B

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	ĐTB	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
284	1111030017	Lương Anh	Dũng	06/10/92	Nam	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	6.70	TB khá	Chính quy	CCTDTD56B
285	1111030022	Nguyễn Đình	Đạt	12/02/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	6.02	TB khá	Chính quy	CCTDTD56B
286	1111030025	Đinh Bá	Đệ	17/04/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	6.87	TB khá	Chính quy	CCTDTD56B
287	1111030027	Đào Ngọc	Đốc	18/08/92	Nam	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	6.83	TB khá	Chính quy	CCTDTD56B
288	1111030034	Đào Thị Thu	Hà	11/05/93	Nữ	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	6.86	TB khá	Chính quy	CCTDTD56B
289	1111030040	Nguyễn Thị Thu	Hiền	14/12/93	Nữ	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	7.22	Khá	Chính quy	CCTDTD56B
290	1111060053	Trần Văn	Hiệp	16/11/92	Nam	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	6.20	TB khá	Chính quy	CCTDTD56B
291	1111030053	Nguyễn Văn	Hưng	25/09/91	Nam	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	6.02	TB khá	Chính quy	CCTDTD56B
292	1111030070	Nguyễn Việt	Mạnh	24/03/91	Nam	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	6.82	TB khá	Chính quy	CCTDTD56B
293	1111030074	Bùi Văn	Mười	07/07/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	6.34	TB khá	Chính quy	CCTDTD56B
294	1111030075	Phạm Thành	Nam	24/10/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	6.34	TB khá	Chính quy	CCTDTD56B
295	1111030076	Nguyễn Thị Thủy	Ngân	13/11/93	Nữ	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	6.87	TB khá	Chính quy	CCTDTD56B
296	1111030077	Nguyễn Thủy	Ngân	18/02/92	Nữ	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	7.16	Khá	Chính quy	CCTDTD56B
297	1111030095	Nguyễn Mạnh	Tấn	29/08/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	6.40	TB khá	Chính quy	CCTDTD56B
298	1111030102	Nguyễn Thị Phương	Thảo	10/01/93	Nữ	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	7.26	Khá	Chính quy	CCTDTD56B
299	1111030110	Nguyễn Bá	Thương	03/03/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	6.51	TB khá	Chính quy	CCTDTD56B
300	1111030113	Đặng Quang	Trung	16/08/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	6.66	TB khá	Chính quy	CCTDTD56B
301	1111030127	Nguyễn Thị	Vân	20/07/93	Nữ	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	7.11	Khá	Chính quy	CCTDTD56B
302	1111030128	Nguyễn Thị Cẩm	Vân	16/12/93	Nữ	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	6.89	TB khá	Chính quy	CCTDTD56B

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	ĐTB	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
303	1111030132	Hoàng Bá	Vương	20/08/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	6.70	TB khá	Chính quy	CCTDTD56B

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Thủy

Phòng Đào tạo Đại học



TS. Phan Minh Tạo

Số: *1248*/QĐ-MDC-ĐTĐH

Hà Nội, ngày *22* tháng *10* năm 2014

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ “Điều lệ trường Đại học” ban hành theo Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quy chế “Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ” ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy chế “Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ” ban hành kèm theo Quyết định số 388/2013/QĐ-ĐTĐH ngày 18 tháng 04 năm 2013 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ kết quả học tập của sinh viên đại học hệ chính quy;
Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp đại học cho 381 sinh viên khóa 54, khóa 55 hệ chính quy ngành đào tạo: Kỹ thuật điện, điện tử, Kỹ thuật cơ khí, Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Công nghệ thông tin, Kỹ thuật Địa chất, Kỹ thuật Môi trường, Kỹ thuật Địa vật lý, Kỹ thuật dầu khí, Công nghệ kỹ thuật hóa học, Kỹ thuật Mỏ, Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ, Kỹ thuật Tuyển khoáng, Kỹ thuật công trình xây dựng, Quản trị kinh doanh, Kế toán (Có danh sách kèm theo);

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Sinh viên được hưởng mọi chế độ theo quy định của Nhà nước.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo Đại học, trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: ĐTĐH, HCTH.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Lê Hải An



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP NĂM HỌC 2013-2014 (ĐỢT 2)
(Kèm theo Quyết định số 1248/QĐ-MĐC-ĐTĐH ngày 22 tháng 10 năm 2014)

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Điểm TB	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
1	0921060031	Đỗ Hữu	Lập	28/12/91	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Điện khí hoá	2.04	Trung bình	Chính quy	DCCDDK54
2	0921060083	Lê Tuấn	Anh	05/02/90	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Điện khí hoá	2.23	Trung bình	Chính quy	DCCDDK54
3	0921060002	Vũ Việt	Anh	13/08/91	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Điện khí hoá	2.13	Trung bình	Chính quy	DCCDDK54
4	0921060215	Nguyễn Văn	Công	29/08/90	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Điện khí hoá	2.59	Khá	Chính quy	DCCDDK54
5	0921030043	Nguyễn Vũ	Hiếu	08/01/92	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Điện khí hoá	2.39	Trung bình	Chính quy	DCCDDK54
6	0921060219	Đỗ Duy	Lại	25/03/90	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Điện khí hoá	2.83	Khá	Chính quy	DCCDDK54
7	0921060063	Vũ Thanh	Tuấn	05/09/91	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Điện khí hoá	2.39	Trung bình	Chính quy	DCCDDK54
8	0921060169	Phạm Hữu	Chiên	06/04/91	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Điện - Điện tử	2.43	Trung bình	Chính quy	DCCDDT54
9	0921060097	Nguyễn Hữu	Đức	27/01/90	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Điện - Điện tử	2.32	Trung bình	Chính quy	DCCDDT54
10	0921060152	Nguyễn Văn	Hải	10/10/90	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Điện - Điện tử	2.51	Khá	Chính quy	DCCDDT54
11	0921060020	Vũ Duy	Hải	20/02/91	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Điện - Điện tử	2.22	Trung bình	Chính quy	DCCDDT54
12	0921060181	Nguyễn Mạnh	Hùng	25/02/91	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Điện - Điện tử	2.56	Khá	Chính quy	DCCDDT54
13	0921060102	Phạm Bá	Huy	06/09/91	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Điện - Điện tử	2.41	Trung bình	Chính quy	DCCDDT54
14	0921060164	Nguyễn Hữu	Mạnh	23/09/91	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Điện - Điện tử	2.45	Trung bình	Chính quy	DCCDDT54
15	0921060237	Đỗ Ngọc	Nhân	23/06/91	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Điện - Điện tử	2.36	Trung bình	Chính quy	DCCDDT54
16	0921060119	Nguyễn Văn	Quân	02/06/88	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Điện - Điện tử	2.16	Trung bình	Chính quy	DCCDDT54

NC

17	0921060238	Vương Khắc	Sơn	18/09/90	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Điện - Điện tử	3.16	Khá	Chính quy	DCCDDT54
18	0921060140	Nhâm Văn	Tuấn	05/04/91	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Điện - Điện tử	2.35	Trung bình	Chính quy	DCCDDT54
19	0921060005	Đặng Thế	Anh	29/10/91	Nam	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và thiết bị mô	2.19	Trung bình	Chính quy	DCCDMT54
20	0821060023	Nguyễn Phương	Hùng	19/05/90	Nam	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và thiết bị mô	2.41	Trung bình	Chính quy	DCCDMT54
21	0921060131	Tổng Minh	Thọ	16/09/91	Nam	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và thiết bị mô	2.14	Trung bình	Chính quy	DCCDMT54
22	0921060066	Nguyễn Văn	Tuấn	02/05/91	Nam	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và thiết bị mô	2.34	Trung bình	Chính quy	DCCDMT54
23	0921060022	Đỗ Trung	Hiếu	19/12/90	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hoá	2.23	Trung bình	Chính quy	DCCDDT54
24	0921060150	Trần Đình	Anh	06/10/91	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hoá	2.3	Trung bình	Chính quy	DCCDDT54
25	0921060016	Ngô Xuân	Đông	29/06/91	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hoá	2.3	Trung bình	Chính quy	DCCDDT54
26	0921060153	Phan Công	Học	25/08/90	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hoá	2.19	Trung bình	Chính quy	DCCDDT54
27	0921060027	Ngô Bá	Hung	18/10/91	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hoá	2.78	Khá	Chính quy	DCCDDT54
28	0921060107	Bùi Trọng	Kiên	26/11/91	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hoá	2.14	Trung bình	Chính quy	DCCDDT54
29	0921060077	Nguyễn Văn	Ninh	10/06/91	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hoá	2.07	Trung bình	Chính quy	DCCDDT54
30	0921060142	Nguyễn Anh	Tuấn	20/09/90	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hoá	2.12	Trung bình	Chính quy	DCCDDT54
31	0921050171	Đậu Kim	Anh	10/08/90	Nam	Công nghệ thông tin	Tin địa chất	2.13	Trung bình	Chính quy	DCCTDC54
32	0821050014	Nguyễn Thành	Duy	15/02/90	Nam	Công nghệ thông tin	Tin kinh tế	2.73	Khá	Chính quy	DCCTKT54
33	0921050299	Vũ Thị	Huệ	17/11/91	Nam	Công nghệ thông tin	Tin kinh tế	2.45	Trung bình	Chính quy	DCCTKT54
34	0921050135	Nguyễn Thị Thu	Ngời	10/12/91	Nam	Công nghệ thông tin	Tin kinh tế	2.7	Khá	Chính quy	DCCTKT54
35	0821050127	Hoàng Thị	Phương	09/11/90	Nữ	Công nghệ thông tin	Tin kinh tế	2.59	Khá	Chính quy	DCCTKT54

182

36	0921050295	Trần Bảo	Quốc	30/07/91	Nam	Công nghệ thông tin	Tin kinh tế	2.4	Trung bình	Chính quy	DCCTKT54
37	0921050164	Trần Duy	Tuấn	30/01/91	Nam	Công nghệ thông tin	Tin kinh tế	2.24	Trung bình	Chính quy	DCCTKT54
38	1021050313	Nguyễn Thị	Nhung	08/10/91	Nữ	Công nghệ thông tin	Tin kinh tế	2.61	Khá	Chính quy	DCCTKT55
39	1021050285	Nguyễn Thanh	Thương	17/04/91	Nam	Công nghệ thông tin	Tin kinh tế	2.54	Khá	Chính quy	DCCTKT55
40	0921050181	Dương Thành	Công	10/02/90	Nam	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	2.46	Trung bình	Chính quy	DCCTMM54
41	0921050189	Vũ Ngọc	Đại	05/03/91	Nam	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	2.66	Khá	Chính quy	DCCTMM54
42	0921050117	Nguyễn Thế	Khánh	18/04/91	Nam	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	2.16	Trung bình	Chính quy	DCCTMM54
43	0921050244	Nguyễn Hoài	Nam	24/07/88	Nam	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	2.5	Khá	Chính quy	DCCTMM54
44	0921050278	Hoàng Trung	Thành	23/03/90	Nam	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	2.16	Trung bình	Chính quy	DCCTMM54
45	0921050214	Nguyễn Trí	Thịnh	13/11/91	Nam	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	2.35	Trung bình	Chính quy	DCCTMM54
46	1021050327	Nguyễn Hữu	Cường	05/02/90	Nam	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	2.47	Trung bình	Chính quy	DCCTMM55
47	0921050007	Phạm Ngọc	Diễn	30/04/91	Nam	Công nghệ thông tin	Tin học mô	2.11	Trung bình	Chính quy	DCCTMO54
48	0921050115	Nguyễn Văn	Hùng	13/08/91	Nam	Công nghệ thông tin	Tin học mô	2.25	Trung bình	Chính quy	DCCTMO54
49	0921050281	Bùi Văn	Kiến	20/09/91	Nam	Công nghệ thông tin	Tin học mô	2.66	Khá	Chính quy	DCCTMO54
50	0921050123	Nguyễn Bá	Long	03/09/91	Nam	Công nghệ thông tin	Tin học mô	2.35	Trung bình	Chính quy	DCCTMO54
51	0921050124	Trương Thành	Luân	13/12/91	Nam	Công nghệ thông tin	Tin học mô	3.09	Khá	Chính quy	DCCTMO54
52	0921050046	Nguyễn Chính	Nghị	30/10/91	Nam	Công nghệ thông tin	Tin học mô	2.52	Khá	Chính quy	DCCTMO54
53	0921050045	Trần Minh	Nghĩa	25/12/91	Nam	Công nghệ thông tin	Tin học mô	2.08	Trung bình	Chính quy	DCCTMO54
54	0921050162	Đặng Thanh	Tuấn	10/09/91	Nam	Công nghệ thông tin	Tin học mô	2.15	Trung bình	Chính quy	DCCTMO54

282

55	0921050023	Nguyễn Hải	Hoàng	21/09/91	Nam	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	2.39	Trung bình	Chính quy	DCCTPM54
56	0921050051	Nguyễn Đình	Quân	09/11/91	Nam	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	2.17	Trung bình	Chính quy	DCCTPM54
57	0821050069	Đỗ Quốc	Thái	04/10/90	Nam	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	2.47	Trung bình	Chính quy	DCCTPM54
58	0921050154	Phạm Đức	Thịnh	24/06/91	Nam	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	2.9	Khá	Chính quy	DCCTPM54
59	0921050271	Lê Quang	Hiếu	07/06/90	Nam	Công nghệ thông tin	Tin tức địa	2.54	Khá	Chính quy	DCCTTD54
60	0921050290	Nguyễn Thị Phương	Hoa	03/12/91	Nam	Công nghệ thông tin	Tin tức địa	2.69	Khá	Chính quy	DCCTTD54
61	0921050216	Nguyễn Thị	Huế	02/06/91	Nam	Công nghệ thông tin	Tin tức địa	2.56	Khá	Chính quy	DCCTTD54
62	0921050194	Nguyễn Xuân	Hương	27/10/91	Nam	Công nghệ thông tin	Tin tức địa	2.5	Khá	Chính quy	DCCTTD54
63	0921050038	Nguyễn Thị	Luyến	01/01/91	Nam	Công nghệ thông tin	Tin tức địa	2.76	Khá	Chính quy	DCCTTD54
64	0921050306	Lê Thị	Thành	08/04/91	Nam	Công nghệ thông tin	Tin tức địa	2.56	Khá	Chính quy	DCCTTD54
65	0921020023	Trần Thế	Duy	23/11/91	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2	Trung bình	Chính quy	DCDCCT54A
66	0921020276	Nguyễn Xuân	Nhật	12/01/92	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.09	Trung bình	Chính quy	DCDCCT54A
67	0921020182	Nguyễn Văn	Báu	09/05/91	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.24	Trung bình	Chính quy	DCDCCT54A
68	0921020021	Đào Thị	Dung	28/09/91	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.85	Khá	Chính quy	DCDCCT54A
69	0921020163	Nguyễn Khắc	Duy	14/09/91	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.05	Trung bình	Chính quy	DCDCCT54A
70	0921020415	Đỗ Đình	Hải	20/02/91	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.34	Trung bình	Chính quy	DCDCCT54A
71	0921020377	Nguyễn Hữu	Khang	22/08/91	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.15	Trung bình	Chính quy	DCDCCT54A
72	0921020390	Bùi Văn	Lăng	22/10/91	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.11	Trung bình	Chính quy	DCDCCT54A
73	0921020169	Trần Thùy	Linh	01/12/91	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.84	Khá	Chính quy	DCDCCT54A

W

74	0921050223	Hà Văn	Quá	15/11/91	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.25	Trung bình	Chính quy	DCDCCT54A
75	0921020249	Lê Ngọc	Khánh	21/10/91	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.12	Trung bình	Chính quy	DCDCCT54B
76	0921020146	Trịnh Đình	Tuấn	28/11/90	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.07	Trung bình	Chính quy	DCDCCT54B
77	0921030267	Cao Đăng	Tùng	17/04/91	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.06	Trung bình	Chính quy	DCDCCT54B
78	0921020173	Lê Thị Lan	Anh	21/07/91	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	3.21	Giỏi	Chính quy	DCDCCT54B
79	0921020016	Hoàng Huy	Chí	11/11/86	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.36	Trung bình	Chính quy	DCDCCT54B
80	0921020239	Lương Đình	Huy	27/10/91	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.24	Trung bình	Chính quy	DCDCCT54B
81	0921020340	Hà Văn	Khoa	30/10/91	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.64	Khá	Chính quy	DCDCCT54B
82	0921020257	Nguyễn Thời	Linh	16/06/91	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.49	Trung bình	Chính quy	DCDCCT54B
83	0921020302	Đặng Quang	Thường	23/02/91	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.33	Trung bình	Chính quy	DCDCCT54B
84	0921020443	Phạm Thị Huyền	Trang	27/09/90	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.97	Khá	Chính quy	DCDCCT54B
85	0921020428	Trần Hoàng	Trọng	30/09/91	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.4	Trung bình	Chính quy	DCDCCT54B
86	0921020141	Nguyễn Xuân	Trường	06/01/91	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.24	Trung bình	Chính quy	DCDCCT54B
87	0921020152	Trịnh Thị	Vân	01/06/91	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	3.39	Giỏi	Chính quy	DCDCCT54B
88	0921020332	Lê Thế	Anh	12/08/90	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2.69	Khá	Chính quy	DCDCDC_54A
89	0821020019	Phạm Văn	Dán	11/04/90	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2.27	Trung bình	Chính quy	DCDCDC_54A
90	0921020198	Dương Quang	Dũng	02/01/92	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2.49	Trung bình	Chính quy	DCDCDC_54A
91	0821020028	Lê Ngọc	Dũng	06/03/89	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2.35	Trung bình	Chính quy	DCDCDC_54A
92	0921020032	Lê Đức	Dự	15/12/90	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2.11	Trung bình	Chính quy	DCDCDC_54A

182

93	0921020036	Cao Vũ	Đạt	11/06/91	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2.32	Trung bình	Chính quy	DCDCDC_54A
94	0921020063	Nguyễn Huy	Hoàng	22/10/91	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2.25	Trung bình	Chính quy	DCDCDC_54A
95	0921020076	Bùi Thị	Hương	03/01/91	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	3.2	Giỏi	Chính quy	DCDCDC_54A
96	0921020454	Nguyễn Hùng	Mạnh	09/11/89	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2.68	Khá	Chính quy	DCDCDC_54A
97	0921020277	Vũ Thị Kim	Nhung	29/12/91	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2.91	Khá	Chính quy	DCDCDC_54A
98	0921020284	Nguyễn Văn	Quân	07/07/90	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2.15	Trung bình	Chính quy	DCDCDC_54A
99	0921020281	Phan Việt	Quân	30/12/91	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2.27	Trung bình	Chính quy	DCDCDC_54A
100	0921020291	Bùi Minh	Tấn	24/02/91	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2.31	Trung bình	Chính quy	DCDCDC_54A
101	0921020205	Vũ Duy	Đại	28/09/90	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2.73	Khá	Chính quy	DCDCDC_54B
102	0921020045	Nguyễn Đình	Giang	05/08/91	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2.2	Trung bình	Chính quy	DCDCDC_54B
103	0921020380	Nguyễn Đức	Thành	19/04/91	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2.41	Trung bình	Chính quy	DCDCDC_54B
104	0921020174	Nguyễn Duy	Anh	16/10/91	Nam	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái - Công nghệ môi trường	2.16	Trung bình	Chính quy	DCDCDCS54
105	0921020042	Mai Văn	Đức	06/03/91	Nam	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái - Công nghệ môi trường	2.19	Trung bình	Chính quy	DCDCDCS54
106	0921020051	Nguyễn Văn	Hạnh	13/06/91	Nam	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái - Công nghệ môi trường	2.09	Trung bình	Chính quy	DCDCDCS54
107	0921020070	Phạm Văn	Huỳnh	21/12/91	Nam	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái - Công nghệ môi trường	2.26	Trung bình	Chính quy	DCDCDCS54
108	0821020234	Nguyễn Văn	Huỳnh	24/02/89	Nam	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái - Công nghệ môi trường	2.27	Trung bình	Chính quy	DCDCDCS54
109	0921020087	Nguyễn Văn	Long	25/09/91	Nam	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái - Công nghệ môi trường	2.38	Trung bình	Chính quy	DCDCDCS54
110	0921020307	Nguyễn Đức	Toàn	03/08/91	Nam	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái - Công nghệ môi trường	2.4	Trung bình	Chính quy	DCDCDCS54
111	0821020312	Phạm Quang	Vũ	19/04/89	Nam	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái - Công nghệ môi trường	2.19	Trung bình	Chính quy	DCDCDCS54

2

112	0921060026	Trần Đăng	Hùng	22/06/91	Nam	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái - Công nghệ môi trường	2.64	Khá	Chính quy	DCDCDS54
113	0921020096	Nguyễn Văn	Mừng	05/11/91	Nam	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái - Công nghệ môi trường	2.52	Khá	Chính quy	DCDCDS54
114	0921020154	Nguyễn Văn	Việt	11/12/91	Nam	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái - Công nghệ môi trường	2.38	Trung bình	Chính quy	DCDCDS54
115	0921020237	Lê Thị	Huệ	20/12/91	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Nguyên liệu khoáng	2.93	Khá	Chính quy	DCDCNK54
116	0921020073	Lý	Hùng	09/12/91	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Nguyên liệu khoáng	2.19	Trung bình	Chính quy	DCDCNK54
117	0921020125	Phùng Anh	Thắng	04/06/91	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Nguyên liệu khoáng	2.29	Trung bình	Chính quy	DCDCNK54
118	0921020177	Trần Nhật	Anh	01/06/91	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn - Địa chất công trình	2.72	Khá	Chính quy	DCDCTV54
119	0921020189	Phạm Văn	Công	01/09/90	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn - Địa chất công trình	2.15	Trung bình	Chính quy	DCDCTV54
120	0921050111	Nguyễn Bảo	Hoàng	29/08/91	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn - Địa chất công trình	2.53	Khá	Chính quy	DCDCTV54
121	0921020248	Phạm Văn	Hữu	26/02/91	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn - Địa chất công trình	2.33	Trung bình	Chính quy	DCDCTV54
122	0921020080	Nguyễn Văn	Khương	03/10/91	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn - Địa chất công trình	2.29	Trung bình	Chính quy	DCDCTV54
123	0921020407	Triệu Thanh	Long	20/08/91	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn - Địa chất công trình	2.22	Trung bình	Chính quy	DCDCTV54
124	0921020267	Trần Thị	Mùi	09/03/91	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn - Địa chất công trình	2.82	Khá	Chính quy	DCDCTV54
125	0921020112	Nguyễn Văn	Quản	05/10/91	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn - Địa chất công trình	2.29	Trung bình	Chính quy	DCDCTV54
126	0921020116	Trần Văn	Son	12/09/91	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn - Địa chất công trình	2.27	Trung bình	Chính quy	DCDCTV54
127	0921020123	Đỗ Văn	Thành	05/10/91	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn - Địa chất công trình	2.95	Khá	Chính quy	DCDCTV54
128	0921020122	Vũ Trung	Thành	23/12/91	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn - Địa chất công trình	2.25	Trung bình	Chính quy	DCDCTV54
129	0921020327	Nguyễn Tiến	Vinh	18/11/91	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn - Địa chất công trình	3.01	Khá	Chính quy	DCDCTV54
130	0921020009	Nguyễn Hữu	Ân	17/09/91	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất dầu khí	2.39	Trung bình	Chính quy	DCDKDC54

202

131	0921010063	Nguyễn Thị	Hoài	22/02/91	Nữ	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất dầu khí	3.41	Giỏi	Chính quy	DCDKDC54
132	0921010273	Nguyễn Thị	Hoài	10/10/91	Nữ	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất dầu khí	3.27	Giỏi	Chính quy	DCDKDC54
133	0921010141	Nguyễn Xuân	Thành	15/05/91	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất dầu khí	2.55	Khá	Chính quy	DCDKDC54
134	0921020074	Nguyễn Ngọc	Hùng	28/01/90	Nam	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	2.42	Trung bình	Chính quy	DCDKDV54
135	0921020312	Nguyễn Tuấn	Trung	26/07/91	Nam	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	2.77	Khá	Chính quy	DCDKDV54
136	0921010290	Trần Văn	Hữu	07/03/91	Nam	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	3.23	Giỏi	Chính quy	DCDKDV54
137	0921010006	Bùi Quốc	Anh	15/10/91	Nam	Kỹ thuật dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.59	Khá	Chính quy	DCDKKK54
138	0921010007	Nguyễn Việt	Anh	26/09/91	Nam	Kỹ thuật dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.81	Khá	Chính quy	DCDKKK54
139	0921010216	Trần Nhật	Anh	14/08/91	Nam	Kỹ thuật dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.57	Khá	Chính quy	DCDKKK54
140	0921020026	Lê Việt	Dũng	24/02/91	Nam	Kỹ thuật dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.55	Khá	Chính quy	DCDKKK54
141	0921020214	Vũ Tuấn	Đức	18/07/91	Nam	Kỹ thuật dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.75	Khá	Chính quy	DCDKKK54
142	0921020219	Phạm Văn	Giáp	10/12/91	Nam	Kỹ thuật dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.51	Khá	Chính quy	DCDKKK54
143	0921010077	Nguyễn Thành	Hưng	31/10/91	Nam	Kỹ thuật dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.97	Khá	Chính quy	DCDKKK54
144	0921010083	Đỗ Đức	Khoa	14/01/91	Nam	Kỹ thuật dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.62	Khá	Chính quy	DCDKKK54
145	0921010301	Tạ Duy	Linh	14/02/90	Nam	Kỹ thuật dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.92	Khá	Chính quy	DCDKKK54
146	0921010202	Nguyễn Văn	Quân	31/10/91	Nam	Kỹ thuật dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.62	Khá	Chính quy	DCDKKK54
147	0921010155	Cao Duy	Thụy	27/02/90	Nam	Kỹ thuật dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.64	Khá	Chính quy	DCDKKK54
148	0921010163	Nguyễn Duy	Toàn	27/10/91	Nam	Kỹ thuật dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	3.31	Giỏi	Chính quy	DCDKKK54
149	0924010144	Nguyễn Đình	Việt	05/07/91	Nam	Kỹ thuật dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.77	Khá	Chính quy	DCDKKK54

22

150	0921020082	Nguyễn Lê	Kiên	11/06/90	Nam	Kỹ thuật dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.25	Trung bình	Chính quy	DCDKKK54
151	0821011041	Vũ Phương	Duy	11/04/90	Nam	Kỹ thuật dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.41	Trung bình	Chính quy	DCDKKK54VT
152	1021010415	Hoàng Văn	Vũ	29/04/92	Nam	Kỹ thuật dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.83	Khá	Chính quy	DCDKKK55
153	0921010030	Tạ Văn	Duyễn	06/01/91	Nam	Kỹ thuật dầu khí	Khoan thăm dò-Khảo sát	2.75	Khá	Chính quy	DCDKKT54
154	0821010235	Trần Văn	Đạt	05/05/90	Nam	Kỹ thuật dầu khí	Khoan thăm dò-Khảo sát	2.43	Trung bình	Chính quy	DCDKKT54
155	0921010292	Nguyễn Đình	Khải	14/03/90	Nam	Kỹ thuật dầu khí	Khoan thăm dò-Khảo sát	2.82	Khá	Chính quy	DCDKKT54
156	0921010317	Nguyễn Văn	Nam	28/12/90	Nam	Kỹ thuật dầu khí	Khoan thăm dò-Khảo sát	2.19	Trung bình	Chính quy	DCDKKT54
157	0921010330	Ngô Văn	Phúc	28/06/90	Nam	Kỹ thuật dầu khí	Khoan thăm dò-Khảo sát	2.72	Khá	Chính quy	DCDKKT54
158	0921010353	Tô Tiến	Thành	22/09/91	Nam	Kỹ thuật dầu khí	Khoan thăm dò-Khảo sát	2.59	Khá	Chính quy	DCDKKT54
159	0921010361	Lê Lương	Thịnh	16/02/91	Nam	Kỹ thuật dầu khí	Khoan thăm dò-Khảo sát	2.71	Khá	Chính quy	DCDKKT54
160	0921010367	Đình Đức	Tiến	08/06/91	Nam	Kỹ thuật dầu khí	Khoan thăm dò-Khảo sát	2.74	Khá	Chính quy	DCDKKT54
161	0921010370	Phạm Quang	Tiếp	27/06/91	Nam	Kỹ thuật dầu khí	Khoan thăm dò-Khảo sát	2.53	Khá	Chính quy	DCDKKT54
162	0921010384	Nguyễn Thi	Tuyết	26/03/91	Nam	Kỹ thuật dầu khí	Khoan thăm dò-Khảo sát	2.89	Khá	Chính quy	DCDKKT54
163	0921010181	Tạ Duy	Văn	21/03/91	Nam	Kỹ thuật dầu khí	Khoan thăm dò-Khảo sát	2.76	Khá	Chính quy	DCDKKT54
164	0921010121	Hoàng Nhật	Quang	15/11/91	Nam	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hoá dầu	2.7	Khá	Chính quy	DCDKLD54A
165	0921010135	Vũ Minh	Tâm	07/09/91	Nam	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hoá dầu	2.22	Trung bình	Chính quy	DCDKLD54A
166	0921010171	Phạm Văn	Tuấn	28/08/91	Nam	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hoá dầu	2.42	Trung bình	Chính quy	DCDKLD54A
167	0921010262	Hoàng Văn	Hạnh	27/01/91	Nam	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hoá dầu	2.3	Trung bình	Chính quy	DCDKLD54B
168	0921010062	Phạm Lê	Hoan	02/06/88	Nam	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hoá dầu	2.31	Trung bình	Chính quy	DCDKLD54B

15/2

169	0921010103	Lê Văn	Minh	08/08/91	Nam	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Loại-Hoá dầu	2.8	Khá	Chính quy	DCDKLD54B
170	0921010145	Trần Anh	Thắng	21/11/91	Nam	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Loại-Hoá dầu	2.61	Khá	Chính quy	DCDKLD54B
171	0921010232	Dương Đức	Cường	25/11/91	Nam	Kỹ thuật dầu khí	Thiết bị dầu khí	2.68	Khá	Chính quy	DCDKTB54
172	0921010242	Nguyễn Vũ Đức	Dũng	21/10/89	Nam	Kỹ thuật dầu khí	Thiết bị dầu khí	3.35	Giỏi	Chính quy	DCDKTB54
173	0921010052	Nguyễn Ngọc	Hân	09/12/90	Nam	Kỹ thuật dầu khí	Thiết bị dầu khí	2.76	Khá	Chính quy	DCDKTB54
174	0921010300	Đỗ Cao Duy	Liêm	20/10/91	Nam	Kỹ thuật dầu khí	Thiết bị dầu khí	2.31	Trung bình	Chính quy	DCDKTB54
175	0921030317	Lê Ngọc	Mỹ	15/05/90	Nam	Kỹ thuật dầu khí	Thiết bị dầu khí	2.71	Khá	Chính quy	DCDKTB54
176	0921050043	Bùi Hải	Nam	20/10/91	Nam	Kỹ thuật dầu khí	Thiết bị dầu khí	3.2	Giỏi	Chính quy	DCDKTB54
177	0921010350	Nguyễn Chí	Thanh	07/01/91	Nam	Kỹ thuật dầu khí	Thiết bị dầu khí	2.31	Trung bình	Chính quy	DCDKTB54
178	0921020435	Hoàng Quốc	Trưởng	21/02/90	Nam	Kỹ thuật dầu khí	Thiết bị dầu khí	2.68	Khá	Chính quy	DCDKTB54
179	0921060071	Lê Viết Tân	Vũ	21/12/91	Nam	Kỹ thuật dầu khí	Thiết bị dầu khí	2.57	Khá	Chính quy	DCDKTB54
180	0924010176	Nguyễn Minh	Đức	28/08/90	Nam	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.53	Khá	Chính quy	DCDKTD54C
181	0924010287	Tạ Văn	Tuấn	17/10/89	Nam	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.12	Trung bình	Chính quy	DCDKTD54C
182	1024010052	Đinh Thị	Duyên	15/08/92	Nữ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.33	Trung bình	Chính quy	DCDKTD55A
183	1024010054	Nguyễn Thị	Duyên	17/07/92	Nữ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.82	Khá	Chính quy	DCDKTD55A
184	1021050227	Vương Như	Hoan	29/04/92	Nam	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.55	Khá	Chính quy	DCDKTD55A
185	1021020126	Trần Quang	Huy	26/12/92	Nam	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.43	Trung bình	Chính quy	DCDKTD55A
186	1024010161	Nguyễn Thị	Hương	01/07/92	Nữ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.5	Khá	Chính quy	DCDKTD55A
187	1024010221	Nguyễn Thị	Mỹ	07/08/92	Nữ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.85	Khá	Chính quy	DCDKTD55A

18/2

188	1024010619	Phạm Văn	Phúc	21/11/92	Nam	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	3.23	Giỏi	Chính quy	DCKTKD55A
189	1024010621	Nguyễn Kim	Thanh	02/04/92	Nam	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	3.11	Khá	Chính quy	DCKTKD55A
190	1021030206	Cáp Thị Thu	Trang	29/10/92	Nữ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	3	Khá	Chính quy	DCKTKD55A
191	0751050110	Phan Thanh	Xuân	24/11/89	Nữ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.86	Khá	Chính quy	DCKTKD55A
192	1024010212	Nguyễn Thị Phương	Mai	20/10/92	Nữ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.15	Trung bình	Chính quy	DCKTKD55B
193	1024010351	Lê Hữu	Tĩnh	04/09/92	Nam	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.19	Trung bình	Chính quy	DCKTKD55B
194	0821060010	Vũ Duy	Dũng	03/09/90	Nam	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.93	Khá	Chính quy	DCKTKD55B
195	1024010556	Trần Thị	Duyên	07/08/92	Nữ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	3	Khá	Chính quy	DCKTKD55B
196	1024010057	Nguyễn Thùy	Dương	25/12/92	Nữ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.65	Khá	Chính quy	DCKTKD55B
197	1021050274	Nguyễn Thanh	Hà	09/01/92	Nữ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.93	Khá	Chính quy	DCKTKD55B
198	1024010079	Phạm Thị	Hà	11/12/92	Nữ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.55	Khá	Chính quy	DCKTKD55B
199	0751010231	Nguyễn Văn	Hiệp	14/10/88	Nam	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.74	Khá	Chính quy	DCKTKD55B
200	1024010186	Đinh Thị	Liễu	22/11/92	Nữ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.86	Khá	Chính quy	DCKTKD55B
201	1024010197	Trịnh Thị	Loan	10/03/92	Nữ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.61	Khá	Chính quy	DCKTKD55B
202	1024010266	Lương Thị Thu	Phương	26/07/92	Nữ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.76	Khá	Chính quy	DCKTKD55B
203	1024010328	Phạm Thị Minh	Thu	11/12/92	Nữ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.96	Khá	Chính quy	DCKTKD55B
204	1024010336	Đỗ Thị	Thùy	16/11/91	Nữ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.89	Khá	Chính quy	DCKTKD55B
205	1024010338	Nguyễn Thị	Thùy	16/06/91	Nữ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.99	Khá	Chính quy	DCKTKD55B
206	1024010392	Đào Thị	Vân	17/05/92	Nữ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	3.3	Khá	Chính quy	DCKTKD55B

18.2

207	1024010399	Dương Thị Hồng	Vóc	23/03/91	Nữ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.88	Khá	Chính quy	DCKTKD55B
208	1024010149	Đỗ Thị	Huyền	13/07/92	Nữ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	3.2	Giỏi	Chính quy	DCKTKD55B
209	1024010019	Lâm Viết	Bằng	12/07/92	Nam	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.3	Trung bình	Chính quy	DCKTKD55C
210	1024010061	Phạm Văn	Đón	30/07/92	Nam	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	3.01	Khá	Chính quy	DCKTKD55C
211	1021020096	Lê Thu	Hàng	01/02/92	Nữ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.91	Khá	Chính quy	DCKTKD55C
212	1024010167	Phạm Thị	Hương	17/05/92	Nữ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.79	Khá	Chính quy	DCKTKD55C
213	1024010296	Lê Minh	Thành	05/12/92	Nam	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.67	Khá	Chính quy	DCKTKD55C
214	1024010312	Trần Thị Hồng	Thắm	20/07/92	Nữ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.54	Khá	Chính quy	DCKTKD55C
215	1024010318	Nguyễn Văn	Thịnh	23/10/92	Nam	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.67	Khá	Chính quy	DCKTKD55C
216	1024010367	Phạm Thị Thu	Trang	18/01/92	Nữ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.67	Khá	Chính quy	DCKTKD55C
217	1024010534	Nguyễn Thị Hải	Yến	02/08/92	Nữ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	3.29	Giỏi	Chính quy	DCKTKD55C
218	1024010090	Nguyễn Hiếu	Hào	23/03/92	Nam	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.1	Trung bình	Chính quy	DCKTKD55D
219	1024010153	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	02/09/92	Nữ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.87	Khá	Chính quy	DCKTKD55D
220	1024010160	Nguyễn Minh Diệu	Hương	25/11/91	Nữ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.94	Khá	Chính quy	DCKTKD55D
221	1024010185	Vũ Thị	Liên	11/09/92	Nữ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.75	Khá	Chính quy	DCKTKD55D
222	1024010188	Lâm Thị	Linh	04/10/92	Nữ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.58	Khá	Chính quy	DCKTKD55D
223	1024010199	Lê Thế	Long	25/12/92	Nam	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.12	Trung bình	Chính quy	DCKTKD55D
224	1024010217	Bùi Thị	Miền	05/02/92	Nữ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.94	Khá	Chính quy	DCKTKD55D
225	1024010329	Phùng Thị	Thu	09/05/91	Nữ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.92	Khá	Chính quy	DCKTKD55D

18/02

226	1024010362	Nguyễn Thị	Trang	18/12/92	Nữ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.55	Khá	Chính quy	DCKTKD55D
227	1024010377	Lại Bá	Tuấn	28/10/91	Nam	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.28	Trung bình	Chính quy	DCKTKD55D
228	1024010388	Vũ Thị	Tươi	07/02/92	Nữ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2.42	Trung bình	Chính quy	DCKTKD55D
229	0921030188	Ngô Thị	Hoa	14/02/91	Nam	Kế toán	Kế toán	2.03	Trung bình	Chính quy	DCKTKT_54A
230	0924010086	Nguyễn Thị Như	Ngọc	03/07/91	Nam	Kế toán	Kế toán	3.2	Giỏi	Chính quy	DCKTKT_54A
231	0924010095B	Lương Thị	Phấn	03/03/91	Nữ	Kế toán	Kế toán	3.45	Giỏi	Chính quy	DCKTKT_54A
232	0924010128B	Nguyễn Huyền	Trang	23/10/91	Nữ	Kế toán	Kế toán	3.07	Khá	Chính quy	DCKTKT_54A
233	0924010292	Phạm Thị	Vân	30/07/91	Nữ	Kế toán	Kế toán	2.91	Khá	Chính quy	DCKTKT_54A
234	0924010198B	Phạm Thị	Hoa	13/02/91	Nữ	Kế toán	Kế toán	3.11	Khá	Chính quy	DCKTKT_54A
235	0924010039B	Vũ Thị Minh	Hằng	24/08/91	Nữ	Kế toán	Kế toán	2.96	Khá	Chính quy	DCKTKT_54B
236	1024010628	Phan Thị Lan	Anh	01/10/90	Nữ	Kế toán	Kế toán	3.25	Giỏi	Chính quy	DCKTKT_55A
237	1024010080	Trần Thanh	Hà	02/12/92	Nam	Kế toán	Kế toán	2.64	Khá	Chính quy	DCKTKT_55A
238	1024010089	Vũ Thị Bích	Hạnh	06/12/92	Nữ	Kế toán	Kế toán	3.29	Giỏi	Chính quy	DCKTKT_55A
239	1024010103	Luyện Như	Hiền	23/09/92	Nữ	Kế toán	Kế toán	3.34	Giỏi	Chính quy	DCKTKT_55A
240	1024010144	Đỗ Việt	Hùng	25/05/92	Nam	Kế toán	Kế toán	2.59	Khá	Chính quy	DCKTKT_55A
241	1024010535	Vũ Thị Hà	Khánh	31/01/92	Nữ	Kế toán	Kế toán	3.05	Khá	Chính quy	DCKTKT_55A
242	1024010201	Hoàng Thị	Lụa	01/11/92	Nữ	Kế toán	Kế toán	2.56	Khá	Chính quy	DCKTKT_55A
243	1021050244	Hoàng Thị Diệu	Mai	06/07/91	Nữ	Kế toán	Kế toán	2.75	Khá	Chính quy	DCKTKT_55A
244	1021020513	Hoàng Thị Minh	Mai	17/11/91	Nữ	Kế toán	Kế toán	2.67	Khá	Chính quy	DCKTKT_55A

10/2

245	1024010303	Đặng Thị	Thảo	01/06/92	Nữ	Kế toán	Kế toán	3.16	Khá	Chính quy	DCKTKT_55A
246	1024010544	Trần Thị	Thắm	10/10/92	Nữ	Kế toán	Kế toán	2.74	Khá	Chính quy	DCKTKT_55A
247	1024010607	Nguyễn Thị Hoài	Thương	26/01/92	Nữ	Kế toán	Kế toán	2.97	Khá	Chính quy	DCKTKT_55A
248	1024010361	Nguyễn Huyền	Trang	07/01/92	Nữ	Kế toán	Kế toán	2.96	Khá	Chính quy	DCKTKT_55A
249	1024010390	Giáp Thị	Uyên	06/12/92	Nữ	Kế toán	Kế toán	3.08	Khá	Chính quy	DCKTKT_55A
250	1024010015	Trần Văn	Anh	03/06/92	Nữ	Kế toán	Kế toán	3.06	Khá	Chính quy	DCKTKT_55B
251	1021060045	Nguyễn Bình	Giang	07/11/92	Nam	Kế toán	Kế toán	2.51	Khá	Chính quy	DCKTKT_55B
252	1024010077	Nguyễn Thị	Hà	13/11/92	Nữ	Kế toán	Kế toán	2.66	Khá	Chính quy	DCKTKT_55B
253	1024010131	Ngô Thị Kim	Huê	28/12/92	Nữ	Kế toán	Kế toán	2.69	Khá	Chính quy	DCKTKT_55B
254	1021050288	Vũ Thùy	Linh	13/06/92	Nam	Kế toán	Kế toán	2.77	Khá	Chính quy	DCKTKT_55B
255	1024010198	Vũ Thị	Loan	05/10/92	Nữ	Kế toán	Kế toán	2.77	Khá	Chính quy	DCKTKT_55B
256	1024010655	Nguyễn Đức	Nguyễn	29/03/91	Nữ	Kế toán	Kế toán	2.53	Khá	Chính quy	DCKTKT_55B
257	1024010269	Phạm Quỳnh	Phương	20/10/91	Nữ	Kế toán	Kế toán	2.92	Khá	Chính quy	DCKTKT_55B
258	1021030177	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	14/10/92	Nữ	Kế toán	Kế toán	2.89	Khá	Chính quy	DCKTKT_55B
259	1024010649	Nguyễn Minh	Trang	02/11/92	Nữ	Kế toán	Kế toán	2.58	Khá	Chính quy	DCKTKT_55B
260	1021040322	Nguyễn Thị Anh	Trúc	02/12/92	Nữ	Kế toán	Kế toán	3.33	Giỏi	Chính quy	DCKTKT_55B
261	1024010132	Nguyễn Thị	Huê	06/04/92	Nữ	Kế toán	Kế toán	2.56	Khá	Chính quy	DCKTKT_55C
262	1024010195	Trịnh Thùy	Linh	17/05/91	Nữ	Kế toán	Kế toán	2.6	Khá	Chính quy	DCKTKT_55C
263	1024010200	Lương Thế	Long	28/02/92	Nam	Kế toán	Kế toán	2.53	Khá	Chính quy	DCKTKT_55C

10/2/2

264	1021050289	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	15/11/92	Nam	Kế toán	Kế toán	2.7	Khá	Chính quy	DCKTKT_55C
265	1024010280	Trần Thị	Quỳnh	09/12/91	Nữ	Kế toán	Kế toán	3	Khá	Chính quy	DCKTKT_55C
266	1024010295	Vũ Thị Huyền	Thanh	21/11/92	Nữ	Kế toán	Kế toán	2.96	Khá	Chính quy	DCKTKT_55C
267	1024010618	Nguyễn Thị Thu	Thùy	01/12/91	Nữ	Kế toán	Kế toán	2.81	Khá	Chính quy	DCKTKT_55C
268	1024010008	Ngô Thị Kiều	Anh	30/08/92	Nữ	Kế toán	Kế toán	2.83	Khá	Chính quy	DCKTKT_55D
269	1024010060	Trương Quốc	Đạt	03/01/92	Nam	Kế toán	Kế toán	2.64	Khá	Chính quy	DCKTKT_55D
270	1024010065	Bùi Thị	Giang	20/01/92	Nữ	Kế toán	Kế toán	3.03	Khá	Chính quy	DCKTKT_55D
271	1024010133	Bùi Thị	Huế	25/07/92	Nữ	Kế toán	Kế toán	2.47	Trung bình	Chính quy	DCKTKT_55D
272	1024010538	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	16/08/92	Nữ	Kế toán	Kế toán	2.88	Khá	Chính quy	DCKTKT_55D
273	1021050319	Hồ Thị Mai	Ngân	10/09/92	Nữ	Kế toán	Kế toán	2.6	Khá	Chính quy	DCKTKT_55D
274	1021050245	Lê Thanh	Phương	20/12/92	Nữ	Kế toán	Kế toán	2.81	Khá	Chính quy	DCKTKT_55D
275	1024010530	Lã Thị	Thắm	24/04/92	Nữ	Kế toán	Kế toán	3.39	Giỏi	Chính quy	DCKTKT_55D
276	1024010376	Nguyễn Văn	Tú	15/08/92	Nam	Kế toán	Kế toán	2.3	Trung bình	Chính quy	DCKTKT_55D
277	1021020317	Vũ Hải	Yến	22/06/92	Nữ	Kế toán	Kế toán	2.28	Trung bình	Chính quy	DCKTKT_55D
278	0921040174	Đào Quang	Diễn	20/06/91	Nam	Kỹ thuật mỏ	Khai thác	2.48	Trung bình	Chính quy	DCMOKT54A
279	0921040188	Tạ Tiến	Đạt	17/02/91	Nam	Kỹ thuật mỏ	Khai thác	2.73	Khá	Chính quy	DCMOKT54A
280	0921020044	Thắm Trường	Giang	07/10/91	Nam	Kỹ thuật mỏ	Khai thác	2.81	Khá	Chính quy	DCMOKT54A
281	0921040046	Vũ Duy	Hiệp	05/06/91	Nam	Kỹ thuật mỏ	Khai thác	2.26	Trung bình	Chính quy	DCMOKT54A
282	0921040206	Trần Việt	Hùng	06/07/91	Nam	Kỹ thuật mỏ	Khai thác	2.22	Trung bình	Chính quy	DCMOKT54A

10/2

283	0921040215	Trần Văn	Khai	08/08/91	Nam	Kỹ thuật mỏ	Khai thác	2.61	Khá	Chính quy	DCMOKT54A
284	0921040085	Cao Trần	Nhật	27/08/91	Nam	Kỹ thuật mỏ	Khai thác	2.51	Khá	Chính quy	DCMOKT54A
285	0921040110	Ngô Quốc	Thắng	24/11/91	Nam	Kỹ thuật mỏ	Khai thác	2.52	Khá	Chính quy	DCMOKT54A
286	0921020425	Nguyễn Văn	Thịnh	30/06/91	Nam	Kỹ thuật mỏ	Khai thác	2.31	Trung bình	Chính quy	DCMOKT54A
287	0921040281	Lê Anh	Tuấn	10/01/91	Nam	Kỹ thuật mỏ	Khai thác	2.66	Khá	Chính quy	DCMOKT54A
288	0920000213	Trần Ngọc	Dương	02/01/91	Nam	Kỹ thuật mỏ	Khai thác	2.11	Trung bình	Chính quy	DCMOKT54B
289	0921040146	Lê Khắc	Hùng	10/06/90	Nam	Kỹ thuật mỏ	Khai thác	2.56	Khá	Chính quy	DCMOKT54B
290	0921040333	Vũ Phi	Hùng	19/11/91	Nam	Kỹ thuật mỏ	Khai thác	2.07	Trung bình	Chính quy	DCMOKT54B
291	0921040325	Nguyễn Đình	Khiêm	18/06/90	Nam	Kỹ thuật mỏ	Khai thác	2.57	Khá	Chính quy	DCMOKT54B
292	0921040216	Đỗ Văn	Khiên	31/03/91	Nam	Kỹ thuật mỏ	Khai thác	2.66	Khá	Chính quy	DCMOKT54B
293	0921040394	Lê Văn	Quyết	10/04/91	Nam	Kỹ thuật mỏ	Khai thác	2.27	Trung bình	Chính quy	DCMOKT54B
294	0921040272	Lê Văn	Trình	26/08/90	Nam	Kỹ thuật mỏ	Khai thác	2.24	Trung bình	Chính quy	DCMOKT54B
295	0921040292	Nguyễn Gia	Vũ	14/03/91	Nam	Kỹ thuật mỏ	Khai thác	2.44	Trung bình	Chính quy	DCMOKT54B
296	0921040184	Nguyễn Minh	Dương	12/12/91	Nam	Kỹ thuật mỏ	Khai thác	2.62	Khá	Chính quy	DCMOKT54C
297	0921040344	Nguyễn Văn	Luân	28/09/91	Nam	Kỹ thuật mỏ	Khai thác	2.76	Khá	Chính quy	DCMOKT54C
298	0921040082	Nguyễn Văn	Nghĩa	21/05/91	Nam	Kỹ thuật mỏ	Khai thác	2.53	Khá	Chính quy	DCMOKT54C
299	0921040088	Bùi Hữu	Phi	21/07/91	Nam	Kỹ thuật mỏ	Khai thác	2.46	Trung bình	Chính quy	DCMOKT54C
300	0921040150	Nguyễn Đức	Phú	23/11/91	Nam	Kỹ thuật mỏ	Khai thác	2.23	Trung bình	Chính quy	DCMOKT54C
301	0921040249	Trần Văn	Quyết	25/06/91	Nam	Kỹ thuật mỏ	Khai thác	2.7	Khá	Chính quy	DCMOKT54C

2/20

302	0921040433	Trần Huy	Son	09/09/91	Nam	Kỹ thuật mỏ	Khai thác	2.51	Khá	Chính quy	DCMOKT54C
303	0921050161	Trần Quang	Trung	21/10/91	Nam	Kỹ thuật mỏ	Khai thác	2.27	Trung bình	Chính quy	DCMOKT54C
304	0921040136	Đặng Văn	Tường	30/01/90	Nam	Kỹ thuật mỏ	Khai thác	3.05	Khá	Chính quy	DCMOKT54C
305	0920000246	Nguyễn Thành	Trung	01/11/91	Nam	Kỹ thuật mỏ	Khai thác	2.64	Khá	Chính quy	DCMOKT54QN
306	0920000248	Tô Xuân	Trường	29/11/91	Nam	Kỹ thuật mỏ	Khai thác	2.6	Khá	Chính quy	DCMOKT54QN
307	0920000251	Trần Văn	Tuấn	12/10/90	Nam	Kỹ thuật mỏ	Khai thác	2.06	Trung bình	Chính quy	DCMOKT54QN
308	0920000254	Lê Duy	Tùng	22/12/89	Nam	Kỹ thuật mỏ	Khai thác	2.25	Trung bình	Chính quy	DCMOKT54QN
309	0920000252	Lê Xuân	Tùng	14/01/91	Nam	Kỹ thuật mỏ	Khai thác	2.61	Khá	Chính quy	DCMOKT54QN
310	0920000256	Nguyễn Văn	Vũ	26/06/91	Nam	Kỹ thuật mỏ	Khai thác	2.69	Khá	Chính quy	DCMOKT54QN
311	0920000255	Trần Tuấn	Vũ	13/11/91	Nam	Kỹ thuật mỏ	Khai thác	2.97	Khá	Chính quy	DCMOKT54QN
312	0921040156	Đỗ Tuấn	Anh	10/04/91	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	2.34	Trung bình	Chính quy	DCMONM54
313	0921040342	Nguyễn Xuân	Duy	03/09/91	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	2.15	Trung bình	Chính quy	DCMONM54
314	0921040039	Bùi Bá	Đương	10/05/90	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	2.19	Trung bình	Chính quy	DCMONM54
315	0921040060	Trần Văn	Hữu	10/08/91	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	2.15	Trung bình	Chính quy	DCMONM54
316	0921040219	Đặng Văn	Kiên	17/03/91	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	2.57	Khá	Chính quy	DCMONM54
317	0921040366	Nguyễn Thế	Ngọc	10/10/91	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	2.25	Trung bình	Chính quy	DCMONM54
318	0921040113	Đỗ Văn	Thọ	22/02/90	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	2.27	Trung bình	Chính quy	DCMONM54
319	0821040002	Nguyễn Văn	An	20/01/90	Nam	Kỹ thuật tuyển khoáng	Tuyển khoáng	2.08	Trung bình	Chính quy	DCMOTK54
320	0921040028	Đỗ Trọng	Dũng	10/09/91	Nam	Kỹ thuật tuyển khoáng	Tuyển khoáng	2.38	Trung bình	Chính quy	DCMOTK54

2

321	0921040185	Đào Quốc	Đại	09/10/91	Nam	Kỹ thuật tuyển khoáng	Tuyển khoáng	3.04	Khá	Chính quy	DCMOTK54
322	0921040398	Đặng Thị	Hào	22/10/91	Nam	Kỹ thuật tuyển khoáng	Tuyển khoáng	2.93	Khá	Chính quy	DCMOTK54
323	0921030165	Nguyễn Anh	Dũng	29/04/91	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	2.9	Khá	Chính quy	DCMOXN54
324	0921040176	Nguyễn Khương	Duy	10/12/91	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	2.31	Trung bình	Chính quy	DCMOXN54
325	0921040402	Lê Hữu	Huấn	16/08/91	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	2.59	Khá	Chính quy	DCMOXN54
326	0921040335	Trần Văn	Hùng	07/08/88	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	2.64	Khá	Chính quy	DCMOXN54
327	0921040432	Võ Minh	Hùng	10/12/90	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	2.19	Trung bình	Chính quy	DCMOXN54
328	0821040352	Hoàng Văn	Kết	01/10/89	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	2.3	Trung bình	Chính quy	DCMOXN54
329	0921040414	Nguyễn Đức	Quang	11/09/91	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	2.36	Trung bình	Chính quy	DCMOXN54
330	0921040403	Vũ Xuân	Trường	26/02/91	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	2.43	Trung bình	Chính quy	DCMOXN54
331	0921030020	Nguyễn Văn	Dũng	01/04/91	Nam	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Bản đồ	2.17	Trung bình	Chính quy	DCTDBD54
332	0921030235	Tổng Thanh	Tân	25/01/91	Nam	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Bản đồ	2.38	Trung bình	Chính quy	DCTDBD54
333	0921030259	Bùi Xuân	Trúc	29/12/88	Nam	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Bản đồ	2.27	Trung bình	Chính quy	DCTDBD54
334	0821030192	Phạm Thế	Anh	15/08/90	Nam	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	2.18	Trung bình	Chính quy	DCTDDC54
335	0921030318	Vũ Xuân	Hương	14/02/91	Nam	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	2.42	Trung bình	Chính quy	DCTDDC54
336	0921030398	Nguyễn Đình	Quân	03/10/90	Nam	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Địa chính	3.2	Giỏi	Chính quy	DCTDDC54
337	0921030255	Ngô Văn	Tới	04/10/91	Nam	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa ảnh, Viễn thám và Hệ thống tin địa lý	2.66	Khá	Chính quy	DCTDGI54
338	0921030323	Đỗ Văn	Hùng	27/01/91	Nam	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.68	Khá	Chính quy	DCTDTD_54A
339	0921030055	Trần Thị	Hương	05/10/90	Nam	Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ	Trắc địa	2.96	Khá	Chính quy	DCTDTD_54A

10/12

340	0921030098	Nguyễn Chiến	Thắng	30/08/90	Nam	Kỹ thuật Trắc địa- Bản đồ	Trắc địa	2.29	Trung bình	Chính quy	DCTDTD_54A
341	0921030251	Đoàn Mạnh	Tiến	19/04/91	Nam	Kỹ thuật Trắc địa- Bản đồ	Trắc địa	2.4	Trung bình	Chính quy	DCTDTD_54A
342	0921030111	Mai Văn	Toàn	09/09/91	Nam	Kỹ thuật Trắc địa- Bản đồ	Trắc địa	2.25	Trung bình	Chính quy	DCTDTD_54A
343	0921030362	Đình Văn	Trường	10/07/90	Nam	Kỹ thuật Trắc địa- Bản đồ	Trắc địa	2.2	Trung bình	Chính quy	DCTDTD_54A
344	0921030119	Ngô Công	Tuấn	15/04/91	Nam	Kỹ thuật Trắc địa- Bản đồ	Trắc địa	2.28	Trung bình	Chính quy	DCTDTD_54A
345	0921030342	Nguyễn Đình	Tuấn	25/11/91	Nam	Kỹ thuật Trắc địa- Bản đồ	Trắc địa	2.71	Khá	Chính quy	DCTDTD_54A
346	0821050133	Bùi Văn	Vĩ	21/09/89	Nam	Kỹ thuật Trắc địa- Bản đồ	Trắc địa	2.29	Trung bình	Chính quy	DCTDTD_54A
347	0921030368	Đoàn Thị	Hàng	31/10/91	Nam	Kỹ thuật Trắc địa- Bản đồ	Trắc địa	3.24	Giỏi	Chính quy	DCTDTD_54B
348	0921030133	Phạm Văn	Hiếu	05/03/90	Nam	Kỹ thuật Trắc địa- Bản đồ	Trắc địa	2.48	Trung bình	Chính quy	DCTDTD_54B
349	0921030057	Leo Văn	Khánh	14/05/90	Nam	Kỹ thuật Trắc địa- Bản đồ	Trắc địa	2.48	Trung bình	Chính quy	DCTDTD_54B
350	0921030071	Nguyễn Đức	Minh	18/04/91	Nam	Kỹ thuật Trắc địa- Bản đồ	Trắc địa	2.58	Khá	Chính quy	DCTDTD_54B
351	0921030096	Phạm Văn	Thành	04/10/90	Nam	Kỹ thuật Trắc địa- Bản đồ	Trắc địa	2.35	Trung bình	Chính quy	DCTDTD_54B
352	0921030396	Trần Văn	Thành	21/12/91	Nam	Kỹ thuật Trắc địa- Bản đồ	Trắc địa	2.38	Trung bình	Chính quy	DCTDTD_54B
353	0921030292	Dương Huyền	Thương	15/11/91	Nam	Kỹ thuật Trắc địa- Bản đồ	Trắc địa	3.07	Khá	Chính quy	DCTDTD_54B
354	0921030270	Phạm Văn	Việt	16/08/91	Nam	Kỹ thuật Trắc địa- Bản đồ	Trắc địa	2.96	Khá	Chính quy	DCTDTD_54B
355	0921030026	Phạm Văn	Đại	01/12/91	Nam	Kỹ thuật Trắc địa- Bản đồ	Trắc địa	2.15	Trung bình	Chính quy	DCTDTD_54C
356	0921030030	Đỗ Tuấn	Đạt	23/08/91	Nam	Kỹ thuật Trắc địa- Bản đồ	Trắc địa	2.13	Trung bình	Chính quy	DCTDTD_54C
357	0921030291	Nguyễn Hữu	Hào	02/09/91	Nam	Kỹ thuật Trắc địa- Bản đồ	Trắc địa	2.6	Khá	Chính quy	DCTDTD_54C
358	0921030185	Phạm Quang	Hiếu	13/11/91	Nam	Kỹ thuật Trắc địa- Bản đồ	Trắc địa	2.36	Trung bình	Chính quy	DCTDTD_54C

18/11/21

359	0921030203	Mai Văn	Lập	29/10/91	Nam	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	2.4	Trung bình	Chính quy	DCTDTD_54C
360	0921030212	Hoàng Nhật	Minh	23/11/91	Nam	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	2.23	Trung bình	Chính quy	DCTDTD_54C
361	0921030214	Nguyễn Khắc	Minh	30/11/91	Nam	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	2.33	Trung bình	Chính quy	DCTDTD_54C
362	0921030077	Trần Văn	Nguyễn	21/01/90	Nam	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	2.64	Khá	Chính quy	DCTDTD_54C
363	0921030086	Nguyễn Sỹ	Quân	02/12/91	Nam	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	3.13	Khá	Chính quy	DCTDTD_54C
364	0921030243	Tô Tiến	Thịnh	24/08/91	Nam	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	2.51	Khá	Chính quy	DCTDTD_54C
365	0921030106	Đoàn Xuân	Thường	12/10/91	Nam	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	2.11	Trung bình	Chính quy	DCTDTD_54C
366	0921030108	Phạm Văn	Tiến	21/07/91	Nam	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	2.51	Khá	Chính quy	DCTDTD_54C
367	0921030252	Nguyễn Quốc	Tĩnh	26/08/91	Nam	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	2.52	Khá	Chính quy	DCTDTD_54C
368	0921030113	Chu Thị Minh	Trang	22/10/91	Nam	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	3.36	Giỏi	Chính quy	DCTDTD_54C
369	0921030126	Nguyễn Thế	Tùng	20/09/91	Nam	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	2.56	Khá	Chính quy	DCTDTD_54C
370	0921030309	Ngô Văn	Chiến	01/07/91	Nam	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa mỏ - Công trình	2.3	Trung bình	Chính quy	DCTDTM54
371	0921030170	Nguyễn Đức	Đạt	17/08/91	Nam	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa mỏ - Công trình	2.54	Khá	Chính quy	DCTDTM54
372	0921030169	Trần Anh	Đạt	08/04/91	Nam	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa mỏ - Công trình	2.32	Trung bình	Chính quy	DCTDTM54
373	0921030174	Nguyễn Văn	Đông	05/10/91	Nam	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa mỏ - Công trình	2.53	Khá	Chính quy	DCTDTM54
374	0921030032	Phùng Anh	Đức	11/07/91	Nam	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa mỏ - Công trình	2.32	Trung bình	Chính quy	DCTDTM54
375	0921030187	Nguyễn Văn	Hiếu	26/02/90	Nam	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa mỏ - Công trình	2.51	Khá	Chính quy	DCTDTM54
376	0921030193	Hoàng Văn	Huy	11/09/91	Nam	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa mỏ - Công trình	2.45	Trung bình	Chính quy	DCTDTM54
377	0921030200	Phạm Quang	Khải	29/10/91	Nam	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa mỏ - Công trình	2.26	Trung bình	Chính quy	DCTDTM54

10/2

378	0921030064	Đỗ Xuân	Lợi	09/12/91	Nam	Kỹ thuật Trắc địa- Bản đồ	Trắc địa mô - Công trình	2.09	Trung bình	Chính quy	DCTDTM54
379	0921030093	Kiều Mạnh	Tân	14/09/90	Nam	Kỹ thuật Trắc địa- Bản đồ	Trắc địa mô - Công trình	2.36	Trung bình	Chính quy	DCTDTM54
380	0921030110	Đình Xuân	Toàn	03/12/91	Nam	Kỹ thuật Trắc địa- Bản đồ	Trắc địa mô - Công trình	2.66	Khá	Chính quy	DCTDTM54
381	0921030253	Hoàng Ngọc	Toàn	04/05/91	Nam	Kỹ thuật Trắc địa- Bản đồ	Trắc địa mô - Công trình	2.28	Trung bình	Chính quy	DCTDTM54

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Thủy

Phòng Đào tạo Đại học



TS. Phan Minh Tạo

Số: 1250 /QĐ-MĐC-ĐTĐH

Hà Nội, ngày 22 tháng 10 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ “Điều lệ trường Đại học” ban hành theo Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ quy chế “Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy” ban hành kèm theo Quyết định số 25/2006/QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 06 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ kết quả học tập của sinh viên cao đẳng khóa 56 và các khóa lưu lại;
Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp cao đẳng cho 92 sinh viên các ngành Công nghệ kỹ thuật Địa chất, Công nghệ kỹ thuật cơ khí, Công nghệ kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa, Công nghệ kỹ thuật Địa chất, Công nghệ kỹ thuật mỏ, Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng, Công nghệ kỹ thuật Trắc địa (Có danh sách kèm theo);

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Sinh viên được hưởng mọi chế độ theo quy định của Nhà nước.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: ĐTĐH, HCTH.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Lê Hải An

nh2

DANH SÁCH SINH VIÊN CAO ĐẲNG ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP NĂM HỌC 2013-2014 (ĐỢT 2)
(Kèm theo Quyết định số 125/QĐ-MĐC-ĐTDH ngày 22 tháng 10 năm 2014)

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	ĐTB	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
1	1011060089	Lương Văn	Nam	09/09/92	Nam	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Máy và TB mô	6.19	TB khá	Chính quy	CCCDMT56
2	1111060103	Nguyễn Đức	Quang	10/10/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Máy và TB mô	6.97	TB khá	Chính quy	CCCDMT56
3	1111060141	Nguyễn Thế	Thời	26/02/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Máy và TB mô	6.19	TB khá	Chính quy	CCCDMT56
4	1111060046	Nguyễn Thanh	Hà	01/05/92	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	5.58	TB	Chính quy	CCCDTD56A
5	1111060084	Nguyễn Văn	Mạnh	26/08/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	5.69	TB	Chính quy	CCCDTD56A
6	1111020107	Trần Anh	Nam	12/05/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	5.78	TB	Chính quy	CCCDTD56A
7	1111060097	Quách Gia	Như	27/11/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	5.90	TB	Chính quy	CCCDTD56A
8	1111060111	Trần Xuân	Quyết	26/10/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	5.81	TB	Chính quy	CCCDTD56A
9	1111060151	Nguyễn Khánh	Trạch	12/04/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	5.91	TB	Chính quy	CCCDTD56A
10	1111060160	Phạm Văn	Tuân	26/09/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	6.00	TB khá	Chính quy	CCCDTD56A
11	1111060017	Hoàng Mạnh	Cường	08/03/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	6.14	TB khá	Chính quy	CCCDTD56B
12	1111060021	Nguyễn Thị	Dung	18/10/93	Nữ	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	6.50	TB khá	Chính quy	CCCDTD56B
13	1111060023	Đinh Văn	Dũng	22/03/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	5.99	TB	Chính quy	CCCDTD56B
14	1111060042	Phạm Văn	Đức	22/07/91	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	5.80	TB	Chính quy	CCCDTD56B
15	1111060052	Nguyễn Quang	Hiệp	01/06/92	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	6.13	TB khá	Chính quy	CCCDTD56B
16	1111060074	Nguyễn Tiến	Linh	27/12/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	6.09	TB khá	Chính quy	CCCDTD56B

10/2

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	ĐTB	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
17	1111060078	Phạm Văn	Long	05/02/92	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	5.91	TB	Chính quy	CCCDTD56B
18	1111060079	Nguyễn Văn	Luyinh	18/10/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	6.08	TB khá	Chính quy	CCCDTD56B
19	1111060098	Nguyễn Hải	Ninh	30/11/93	Nữ	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	6.81	TB khá	Chính quy	CCCDTD56B
20	1111060154	Nguyễn Văn	Trung	16/01/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	6.45	TB khá	Chính quy	CCCDTD56B
21	1111020025	Trần Ngọc	Dầu	23/03/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật Địa chất	Địa chất	5.82	TB	Chính quy	CCDCDC56A
22	1011020026	Trần Văn	Đuẩn	17/03/92	Nam	Công nghệ kỹ thuật Địa chất	Địa chất	5.84	TB	Chính quy	CCDCDC56A
23	1011020063	Đặng Ngọc	Huy	19/05/92	Nam	Công nghệ kỹ thuật Địa chất	Địa chất	6.04	TB khá	Chính quy	CCDCDC56A
24	1011020072	Nguyễn Duy	Khang	07/09/92	Nam	Công nghệ kỹ thuật Địa chất	Địa chất	5.59	TB	Chính quy	CCDCDC56A
25	1011060123	Nguyễn Đình	Thành	01/10/91	Nam	Công nghệ kỹ thuật Địa chất	Địa chất	5.94	TB	Chính quy	CCDCDC56A
26	1011020128	Nguyễn Văn	Thư	06/06/91	Nam	Công nghệ kỹ thuật Địa chất	Địa chất	5.59	TB	Chính quy	CCDCDC56A
27	1011020130	Đào Huy	Thường	04/11/92	Nam	Công nghệ kỹ thuật Địa chất	Địa chất	5.94	TB	Chính quy	CCDCDC56A
28	1011020149	Nguyễn Văn	Trung	22/02/91	Nam	Công nghệ kỹ thuật Địa chất	Địa chất	5.76	TB	Chính quy	CCDCDC56A
29	1011020163	Nguyễn Văn	Tuyến	21/07/91	Nam	Công nghệ kỹ thuật Địa chất	Địa chất	5.97	TB	Chính quy	CCDCDC56A
30	1111020043	Trần Văn	Đức	13/11/92	Nam	Công nghệ kỹ thuật Địa chất	Địa chất	7.12	Khá	Chính quy	CCDCDC56B
31	1111020054	Võ Văn	Hạnh	06/03/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật Địa chất	Địa chất	6.13	TB khá	Chính quy	CCDCDC56B
32	1111020075	Nguyễn Văn	Hương	06/10/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật Địa chất	Địa chất	6.01	TB khá	Chính quy	CCDCDC56B
33	1111020112	Trần Thanh	Nghĩa	02/10/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật Địa chất	Địa chất	6.78	TB khá	Chính quy	CCDCDC56B
34	1111020161	Nguyễn Đức	Trung	03/11/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật Địa chất	Địa chất	5.69	TB	Chính quy	CCDCDC56B

11/12

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	ĐTB	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
35	1111020168	Đào Duy	Tùng	27/06/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật Địa chất	Địa chất	6.15	TB khá	Chính quy	CCDCDC56B
36	1111020023	Đỗ Cao	Cường	28/09/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật Địa chất	Địa chất	5.78	TB	Chính quy	CCDCDC56C
37	1111020035	Nguyễn Văn	Đại	23/01/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật Địa chất	Địa chất	5.92	TB	Chính quy	CCDCDC56C
38	1111060082	Đinh Đức	Mạnh	28/11/89	Nam	Công nghệ kỹ thuật Địa chất	Địa chất	5.55	TB	Chính quy	CCDCDC56C
39	1111020127	Nguyễn Thị	Quỳnh	10/02/93	Nữ	Công nghệ kỹ thuật Địa chất	Địa chất	6.31	TB khá	Chính quy	CCDCDC56C
40	1111020130	Trần Đức	Sinh	11/04/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật Địa chất	Địa chất	5.81	TB	Chính quy	CCDCDC56C
41	1114010019	Hoàng Thị Thủy	Hằng	03/10/93	Nữ	Kế toán	Kế toán	5.93	TB	Chính quy	CCKTKT56A
42	1114010063	Lê Thị	Nga	10/05/93	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.12	TB khá	Chính quy	CCKTKT56A
43	1114010084	Nguyễn Thị	Phượng	20/07/93	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.43	TB khá	Chính quy	CCKTKT56A
44	1114010115	Phạm Thị Huyền	Trang	11/12/93	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.69	TB khá	Chính quy	CCKTKT56A
45	1114010059	Nguyễn Thị	Mai	05/09/93	Nữ	Kế toán	Kế toán	7.13	Khá	Chính quy	CCKTKT56B
46	1114010076	Đặng Hồng	Nhung	01/01/93	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.41	TB khá	Chính quy	CCKTKT56B
47	1114010104	Phạm Thị	Thùy	23/07/93	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.55	TB khá	Chính quy	CCKTKT56B
48	1111040138	Phạm Cẩm	Thúy	13/10/92	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.03	TB khá	Chính quy	CCKTKT56B
49	1114010111	Chúc Thị Thu	Trang	18/09/93	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.38	TB khá	Chính quy	CCKTKT56B
50	1014010115	Nguyễn Thị Huyền	Trang	01/09/92	Nữ	Kế toán	Kế toán	5.99	TB	Chính quy	CCKTKT56B
51	1114010121	Lê Thành	Trường	11/10/93	Nam	Kế toán	Kế toán	6.66	TB khá	Chính quy	CCKTKT56B
52	1114010127	Ngô Thị	Tươi	06/12/93	Nữ	Kế toán	Kế toán	6.93	TB khá	Chính quy	CCKTKT56B

10/2

TT	Mã sinh viên	Họ *	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	ĐTB	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
53	11114010128	Cao Thị Tố	Uyên	26/03/93	Nữ	Kế toán	Kế toán	5.66	TB	Chính quy	CCKTKT56B
54	11111040001	Đinh Trọng Tuấn	Anh	27/08/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	6.68	TB khá	Chính quy	CCMOKT56A
55	11111040005	Bùi Xuân	Bách	03/11/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	6.09	TB khá	Chính quy	CCMOKT56A
56	11111040025	Trương Văn	Dùng	15/08/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	6.80	TB khá	Chính quy	CCMOKT56A
57	1011040030	Lê Văn	Định	12/01/92	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	6.14	TB khá	Chính quy	CCMOKT56A
58	11111040042	Nguyễn Thế	Đức	10/06/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	6.32	TB khá	Chính quy	CCMOKT56A
59	1011040059	Nguyễn Viết	Hoàng	16/08/92	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	6.22	TB khá	Chính quy	CCMOKT56A
60	11111040085	Mai Văn	Mạnh	21/12/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	6.34	TB khá	Chính quy	CCMOKT56A
61	11111040109	Trịnh Hồng	Quân	08/02/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	5.99	TB	Chính quy	CCMOKT56A
62	1011040180	Trần Thịnh	Vương	01/01/92	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	5.96	TB	Chính quy	CCMOKT56A
63	11111040003	Nguyễn Tuấn	Anh	23/01/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	6.70	TB khá	Chính quy	CCMOKT56B
64	11111040016	Đoàn Tăng	Cường	02/09/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	6.05	TB khá	Chính quy	CCMOKT56B
65	1011040051	Nguyễn Huy	Hiệu	26/03/91	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	6.01	TB khá	Chính quy	CCMOKT56B
66	11111040084	Đỗ Như	Mạnh	04/10/91	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	6.23	TB khá	Chính quy	CCMOKT56B
67	11111040103	Nguyễn Viết	Phương	21/11/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	6.49	TB khá	Chính quy	CCMOKT56B
68	1011040177	Vũ Thế	Vinh	02/10/92	Nam	Công nghệ kỹ thuật mô	Khai thác mỏ	6.30	TB khá	Chính quy	CCMOKT56B
69	11111070099	Đỗ Mạnh	Thắng	26/11/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	6.27	TB khá	Chính quy	CCMONM56A
70	11111070021	Đỗ Trung	Dùng	19/05/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	6.73	TB khá	Chính quy	CCMONM56B

102

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	ĐTB	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
71	1111070039	Phan Ngọc	Hiếu	21/07/92	Nam	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	5.97	TB	Chính quy	CCMONM56B
72	1111070107	Nguyễn Việt	Tiến	19/09/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	5.78	TB	Chính quy	CCMONM56B
73	1111030023	Nguyễn Thành	Đạt	30/08/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật Trắc địa	Trắc địa	5.86	TB	Chính quy	CCTDTD56A
74	1111070042	Dương Đức	Hoàn	28/12/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật Trắc địa	Trắc địa	5.53	TB	Chính quy	CCTDTD56A
75	1111030045	Nguyễn Minh	Hoàng	04/01/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật Trắc địa	Trắc địa	5.62	TB	Chính quy	CCTDTD56A
76	1111030090	Nguyễn Văn	Sang	23/11/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật Trắc địa	Trắc địa	5.79	TB	Chính quy	CCTDTD56A
77	1111030093	Đinh Hữu	Sơn	26/07/92	Nam	Công nghệ kỹ thuật Trắc địa	Trắc địa	6.95	TB khá	Chính quy	CCTDTD56A
78	1111030104	Nguyễn Quang	Thắng	02/09/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật Trắc địa	Trắc địa	5.86	TB	Chính quy	CCTDTD56A
79	1111030106	Phạm Ngọc	Thắng	05/11/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật Trắc địa	Trắc địa	5.81	TB	Chính quy	CCTDTD56A
80	1111030002	Tô Tuấn	Anh	25/08/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật Trắc địa	Trắc địa	6.66	TB khá	Chính quy	CCTDTD56B
81	0911030090	Lê Văn	Luân	01/09/91	Nam	Công nghệ kỹ thuật Trắc địa	Trắc địa	6.12	TB khá	Chính quy	CCTDTD56B
82	1111030082	Bùi Ngọc	Oai	15/03/92	Nam	Công nghệ kỹ thuật Trắc địa	Trắc địa	6.43	TB khá	Chính quy	CCTDTD56B
83	1111030087	Lộc Hồng	Quân	07/10/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật Trắc địa	Trắc địa	6.93	TB khá	Chính quy	CCTDTD56B
84	1111040129	Đỗ Ngọc	Thắng	23/10/93	Nam	Công nghệ kỹ thuật Trắc địa	Trắc địa	5.95	TB	Chính quy	CCTDTD56B
85	1011020066	Nguyễn Văn	Huy	20/10/91	Nam	Công nghệ kỹ thuật Địa chất	Địa chất	5.79	Trung bình	Chính quy	CCDCDC55B
86	0911040129	Nguyễn Sĩ	Toàn	24/10/91	Nam	Công nghệ kỹ thuật mỏ	Khai thác mỏ	6.12	TB khá	Chính quy	CCMOKT54
87	0811030021	Đào Duy	Cường	20/07/89	Nam	Công nghệ kỹ thuật Trắc địa	Trắc địa	6.05	TB khá	Chính quy	CCTDTD53A
88	0911030044	Nguyễn Hồng	Thái	09/12/91	Nam	Công nghệ kỹ thuật Trắc địa	Trắc địa	5.80	Trung bình	Chính quy	CCTDTD54A

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	ĐTB	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
89	0911040097	Nguyễn Việt	Linh	05/03/91	Nam	Công nghệ kỹ thuật Trắc địa	Trắc địa	5.89	Trung bình	Chính quy	CCTDTD54B
90	0911030056	Nguyễn Hải Việt	Linh	21/07/90	Nam	Công nghệ kỹ thuật Trắc địa	Trắc địa	6.09	TB khá	Chính quy	CCTDTD55A
91	0921050129	Giang Hoàng	Nam	08/04/89	Nam	Công nghệ kỹ thuật Trắc địa	Trắc địa	6.47	TB khá	Chính quy	CCTDTD55A
92	1011030063	Nguyễn Khắc	Linh	24/06/92	Nam	Công nghệ kỹ thuật Trắc địa	Trắc địa	6.06	TB khá	Chính quy	CCTDTD55A

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Thủy

Phòng Đào tạo Đại học

TS. Phan Minh Tạo

TS. Phan Minh Tạo



Số: 297/QĐ-MĐC-ĐTĐH

Hà Nội, ngày 03 tháng 11 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ “Điều lệ trường Đại học” ban hành theo Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quy chế “Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ” ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy chế “Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ” ban hành kèm theo Quyết định số 388/2013/QĐ-ĐTĐH ngày 18 tháng 04 năm 2013 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ kết quả học tập của sinh viên Lào - Đại học khóa 54 hệ chính quy;
Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp đại học cho 01 sinh viên Lào - Đại học hệ chính quy khóa 54 - ngành đào tạo: Kỹ thuật địa chất, có tên dưới đây:

Viengsamone Douangphachanh sinh ngày: 26/10/1991, lớp Địa chất A, khóa 54

Điểm Trung bình chung: 2,03 - Xếp loại tốt nghiệp: Trung bình.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Sinh viên được hưởng mọi chế độ theo quy định của Nhà nước.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu ĐTĐH.



HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Lê Hải An

nh.2

Số: ~~17/14~~ /QĐ-MĐC-ĐTĐH

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ “Điều lệ trường Đại học” ban hành theo Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quy chế “Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ” ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy chế “Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ” ban hành kèm theo Quyết định số 388/2013/QĐ-ĐTĐH ngày 18 tháng 04 năm 2013 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ kết quả học tập của sinh viên đại học khoa Kinh tế và QTKD - khóa 54 hệ chính quy;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp đại học cho 01 sinh viên đại học hệ chính quy khóa 54 - ngành đào tạo: Kế toán, có tên dưới đây:

Nguyễn Thị Thanh Hương ngày sinh: 19/11/1991, lớp Kế toán A, khóa 54

Điểm Trung bình chung: 2,84 - Xếp loại tốt nghiệp: Khá.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Sinh viên được hưởng mọi chế độ theo quy định của Nhà nước.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu ĐTDH.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS *Trần Đình Kiên*

Số: 1297/QĐ-MĐC-ĐTDH

Hà Nội, ngày 03 tháng 11 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ “Điều lệ trường Đại học” ban hành theo Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quy chế “Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ” ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy chế “Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ” ban hành kèm theo Quyết định số 388/2013/QĐ-ĐTDH ngày 18 tháng 04 năm 2013 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ kết quả học tập của sinh viên Lào - Đại học khóa 54 hệ chính quy;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp đại học cho 01 sinh viên Lào - Đại học hệ chính quy khóa 54 - ngành đào tạo: Kỹ thuật địa chất, có tên dưới đây:

Viengsamone Douang sinh ngày: 26/10/1991, lớp Địa chất A, khóa 54

Điểm Trung bình chung: 2,03 - Xếp loại tốt nghiệp: Trung bình.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Sinh viên được hưởng mọi chế độ theo quy định của Nhà nước.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu ĐTDH.

hr



HIỆU TRƯỞNG

PGSTS Lê Hải An

Số: 1240/QĐ-MĐC-ĐTĐH

Hà Nội, ngày 22 tháng 10 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ “Điều lệ trường Đại học” ban hành theo Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quy chế “Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ” ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy chế “Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ” ban hành kèm theo Quyết định số 388/2013/QĐ-ĐTĐH ngày 18 tháng 04 năm 2013 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ kết quả học tập của sinh viên đại học hệ chính quy;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp đại học cho 30 sinh viên khóa 54, khóa 55 hệ chính quy ngành đào tạo: Kỹ thuật điện, điện tử, Công nghệ thông tin, Kỹ thuật Địa chất, Kỹ thuật dầu khí, Kỹ thuật Mỏ, Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ, Kỹ thuật công trình xây dựng, Quản trị kinh doanh, Kế toán (Có danh sách kèm theo);

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Sinh viên được hưởng mọi chế độ theo quy định của Nhà nước.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo Đại học, trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: ĐTĐH, HCTH.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Lê Hải An

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP NĂM HỌC 2013-2014 (ĐỢT 2-BỔ SUNG)
(Kèm theo Quyết định số 1240/QĐ-MĐC-ĐTDH ngày 22 tháng 10 năm 2014)

TT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Điểm Trung bình	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp
1	0921030312	Đào Mạnh	Cường	17/12/1985	Nam	Kỹ thuật trắc địa-Bản đồ	Trắc địa ảnh, viễn thám và hệ thông tin địa lý	2,53	Khá	Chính quy	DCTDGI54
2	0921030248	Đoàn Thị	Thư	10/9/1991	Nữ	Kỹ thuật trắc địa-Bản đồ	Bản đồ	2,90	Khá	Chính quy	DCTDBD54
3	0921020055	Trần Trung	Hiếu	15/04/1991	Nam	Kỹ thuật trắc địa-Bản đồ	Địa chính	2,48	Trung bình	Chính quy	DCTDDC54
4	1024010227	Nguyễn Thị	Nga	16/07/1992	Nữ	Kế toán	Kế toán	2,92	Khá	Chính quy	DCKTKT_55B
5	1024010127	Nguyễn Thị	Hồng	12/6/1992	Nữ	Kế toán	Kế toán	3,00	Khá	Chính quy	DCKTKT_55C
6	1024010608	Lê Phương	Dung	11/2/1992	Nữ	Kế toán	Kế toán	3,02	Khá	Chính quy	DCKTKT_55C
7	1024010395	Nguyễn Thị	Vân	13/08/1992	Nữ	Kế toán	Kế toán	3,21	Giỏi	Chính quy	DCKTKT_55C
8	1021020169	Nguyễn Trà	My	15/11/1992	Nữ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2,55	Khá	Chính quy	DCKTKD55B
9	0821010312	Nguyễn Xuân	Thịnh	5/8/1990	Nam	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	3,12	Khá	Chính quy	DCKTKD55B
10	1024010371	Phí Thị	Trúc	25/07/1992	Nữ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2,64	Khá	Chính quy	DCKTKD55A
11	1024010543	Bùi Đức	Anh	27/9/1991	Nam	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	2,47	Trung bình	Chính quy	DCKTKD55D
12	1024010646	Đặng Thị	Quỳnh	15/09/1991	Nữ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	3,32	Giỏi	Chính quy	DCKTKT_55C
13	1024010384	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	28/09/1992	Nữ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	3,15	Khá	Chính quy	DCKTKD55B
14	0921040198	Nguyễn Duy	Hiệp	17/04/1990	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm	2,81	Khá	Chính quy	DCMOXN54
15	0921040152	Hoàng Đình	Diễm	1/1/1987	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	2,33	Trung bình	Chính quy	DCMONM54
16	0921040381	Nguyễn Văn	Huy	7/9/1990	Nam	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng công trình ngầm và mỏ	2,31	Trung bình	Chính quy	DCMONM54

182

17	0921040252	Mai Văn Sơn	Sơn	6/5/1989	Nam	Kỹ thuật mỏ	Khai thác	2,09	Trung bình	Chính quy	DCMOKT54A
18	0921040373	Hoàng Văn Kiên	Kiên	14/07/1989	Nam	Kỹ thuật mỏ	Khai thác	2,99	Khá	Chính quy	DCMOKT54B
19	0921040343	Trần Danh Phương	Phương	30/01/1991	Nam	Kỹ thuật mỏ	Khai thác	2,79	Khá	Chính quy	DCMOKT54B
20	0821010060	Mai Việt Linh	Linh	18/11/1990	Nam	Kỹ thuật dầu khí	Thiết bị dầu khí	2,51	Khá	Chính quy	DCDKTB54
21	0921010087	Cao Văn Lam	Lam	13/11/1990	Nam	Kỹ thuật dầu khí	Thiết bị dầu khí	2,57	Khá	Chính quy	DCDKTB54
22	0921050211	Bùi Quang Huy	Huy	6/8/1990	Nam	Công nghệ thông tin	Tin kinh tế	2,10	Trung bình	Chính quy	DCCTKT54
23	0921050001	Nguyễn Hoàng An	An	17/03/1991	Nam	Công nghệ thông tin	Tin trắc địa	2,39	Trung bình	Chính quy	DCCTTD54
24	0921050082	Vương Hồng Vĩnh	Vĩnh	1/9/1991	Nam	Công nghệ thông tin	Tin trắc địa	2,68	Khá	Chính quy	DCCTTD54
25	0921050173	Nguyễn Thành Tâm	Tâm	12/7/1991	Nam	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	2,23	Trung bình	Chính quy	DCCTMM54
26	0921020148	Trần Văn Tuynh	Tuynh	20/12/1991	Nam	Kỹ thuật địa chất	Địa chất công trình-Địa kỹ thuật	2,40	Trung bình	Chính quy	DCDCCT54B
27	0921020222	Nguyễn Đức Hạnh	Hạnh	23/9/1991	Nam	Kỹ thuật địa chất	Địa chất công trình-Địa kỹ thuật	2,19	Trung bình	Chính quy	DCDCCT54B
28	0921020217	Lại Tùng	Giang	29/11/1991	Nam	Kỹ thuật địa chất	Địa chất thủy văn - Địa chất công trình	2,24	Trung bình	Chính quy	DCDCTV54
29	0821020155	Vũ Mạnh Tú	Tú	24/10/1990	Nam	Kỹ thuật địa chất	Địa chất thủy văn - Địa chất công trình	2,17	Trung bình	Chính quy	DCDCTV54
30	0921050091	Nguyễn Tiến Đạt	Đạt	3/8/1990	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Điện - Điện tử	2,31	Trung bình	Chính quy	DCCDDT54

1182

Số: 1714/QĐ-MDC

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ “Điều lệ trường Đại học” ban hành theo Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quy chế “Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ” ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy chế “Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ” ban hành kèm theo Quyết định số 388/2013/QĐ-ĐTĐH ngày 18 tháng 04 năm 2013 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ kết quả học tập của sinh viên đại học - khóa 54, ngành Quản trị kinh doanh, Kế toán - khóa 54, 55 và sinh viên liên thông cao đẳng lên đại học ngành Kế toán - khóa 58 hệ chính quy;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp đại học cho 202 sinh viên đại học khóa 54, 55 ngành đào tạo: Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Công nghệ thông tin, Kỹ thuật Địa chất, Kỹ thuật Địa vật lý, Kỹ thuật Dầu khí, Công nghệ Kỹ thuật hóa học, Kỹ thuật Môi trường, Quản trị kinh doanh, Kế toán, Kỹ thuật mỏ, Kỹ thuật công trình xây dựng, Kỹ thuật trắc địa-bản đồ, Kỹ thuật điện, điện tử và 51 sinh viên liên thông cao đẳng lên đại học - khóa 58 hệ chính quy ngành đào tạo Kế toán (Có danh sách kèm theo);

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Sinh viên được hưởng mọi chế độ theo quy định của Nhà nước.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: ĐTDH, HCTH.



PGS.TS Lê Hải An

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP (HỆ TÍN CHỈ) NĂM 2014 (ĐỢT3)
(Kèm theo Quyết định số 144/QĐ-MĐC ngày 30 tháng 12 năm 2014)

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Điểm TB	Xếp loại	Hình thức đào tạo	Lớp, khóa
1	0921060157	Nguyễn Anh	Tuấn	26/08/1991	Nam	Kỹ thuật điện, điện tử	Điện khí hoá	2.68	Khá	Chính quy	DCCDDK54
2	0921060100	Trần Văn	Hiển	21/07/1990	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hoá	2.09	Trung bình	Chính quy	DCCDTC54
3	0921060165	Nguyễn Văn	Ninh	1/11/1991	Nam	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hoá	2.20	Trung bình	Chính quy	DCCDTC54
4	0921050226	Trần Thị Thu	Huyền	16/10/1991	Nữ	Công nghệ thông tin	Tin địa chất	2.88	Khá	Chính quy	DCCTDC54
5	0921050039	Vũ Trường	Minh	15/02/1991	Nam	Công nghệ thông tin	Tin trắc địa	2.45	Trung bình	Chính quy	DCCTTD54
6	0921050147	Trần Văn	Sự	12/10/1990	Nam	Công nghệ thông tin	Tin trắc địa	2.33	Trung bình	Chính quy	DCCTTD54
7	0921020436	Nguyễn Thanh	Tùng	30/10/1991	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.07	Trung bình	Chính quy	DCDCCT54A
8	0921020226	Hoàng Trung	Hiếu	20/05/1991	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.13	Trung bình	Chính quy	DCDCCT54A
9	0921020250	Vương Ngọc	Khánh	6/8/1991	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.11	Trung bình	Chính quy	DCDCCT54A
10	0921020386	Phan Văn	Trung	28/05/1991	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.21	Trung bình	Chính quy	DCDCCT54A
11	0921050228	Hoàng Vũ	Trung	23/05/1991	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.10	Trung bình	Chính quy	DCDCCT54A
12	0921020094	Nguyễn Đăng	Mạnh	22/12/1991	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.04	Trung bình	Chính quy	DCDCCT54B
13	0921020117	Hán Văn	Tam	16/09/1991	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.03	Trung bình	Chính quy	DCDCCT54B
14	0921020157	Nguyễn Quang	Vũ	20/12/1991	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.05	Trung bình	Chính quy	DCDCCT54B
15	0921020183	Nguyễn Thái	Bảo	5/10/1990	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.18	Trung bình	Chính quy	DCDCCT54B
16	0924010238	Nguyễn Hưng	Nguyễn	24/12/1991	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật	2.08	Trung bình	Chính quy	DCDCCT54B

10/2

17	0921020144	Hoàng Minh	Tuấn	5/10/1991	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2.37	Trung bình	Chính quy	DCDCDC_54A
18	0921020337	Trần Văn	Hiếu	10/3/1990	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2.20	Trung bình	Chính quy	DCDCDC_54A
19	0921020403	Nguyễn Văn	Lực	26/02/1991	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	2.12	Trung bình	Chính quy	DCDCDC_54B
20	0821020312	Phạm Quang	Vũ	19/04/1989	Nam	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và Công nghệ môi trường	2.19	Trung bình	Chính quy	DCDCDS54
21	0821020039	Đỗ Văn	Hiếu	17/07/1990	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Nguyên liệu khoáng	2.19	Trung bình	Chính quy	DCDCNK54
22	0921020175	Thẩm Lan	Anh	30/09/1990	Nữ	Kỹ thuật Địa chất	Nguyên liệu khoáng	2.92	Khá	Chính quy	DCDCNK54
23	0821020008	Bùi Ngọc	Bình	2/12/1990	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Nguyên liệu khoáng	2.09	Trung bình	Chính quy	DCDCNK54
24	0821010046	Nguyễn Xuân	Huy	27/12/1989	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất dầu khí	2.15	Trung bình	Chính quy	DCDKDC54
25	0821010330	Phạm Minh	Tuấn	1/11/1990	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất dầu khí	2.02	Trung bình	Chính quy	DCDKDC54
26	0921010222	Đỗ Xuân	Bách	27/08/1991	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất dầu khí	2.33	Trung bình	Chính quy	DCDKDC54
27	0921010357	Lê Huy	Thắng	2/5/1991	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất dầu khí	2.47	Trung bình	Chính quy	DCDKDC54
28	0921020314	Trần Quốc	Tuấn	16/09/1991	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất dầu khí	2.47	Trung bình	Chính quy	DCDKDC54
29	0821010341	Nguyễn Đình	Tường	21/10/1990	Nam	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất dầu khí	2.29	Trung bình	Chính quy	DCDKDC54
30	0921010041	Nguyễn Văn	Đồng	24/03/1983	Nam	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	2.56	Khá	Chính quy	DCDKDV54
31	0921010136	Nguyễn Việt	Tân	2/1/1991	Nam	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	2.37	Trung bình	Chính quy	DCDKDV54
32	0921010248	Hà Minh	Điểm	15/05/1991	Nam	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	2.23	Trung bình	Chính quy	DCDKDV54
33	0921050019	Đỗ Thanh	Hải	25/07/1991	Nam	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	2.61	Khá	Chính quy	DCDKDV54
34	0921010173	Phạm Văn	Tuyền	29/04/1991	Nam	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	2.44	Trung bình	Chính quy	DCDKDV54
35	0921010423	Phạm Bách	Khoa	13/12/1990	Nam	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.76	Khá	Chính quy	DCDKKK54

ML

36	0921020147	Trần Quang	Tuấn	26/09/1991	Nam	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.43	Trung bình	Chính quy	DCDKKK54
37	0921020279	Hắc Văn	Phú	24/08/1991	Nam	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.47	Trung bình	Chính quy	DCDKKK54
38	0924010051	Mai Thế	Hoàng	5/10/1991	Nam	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.53	Khá	Chính quy	DCDKKK54
39	0921010147	Trần Nam	Thắng	30/10/1991	Nam	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	2.50	Khá	Chính quy	DCDKKK54VT
40	0821050078	Nguyễn Việt	Tiến	18/08/1990	Nam	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	2.45	Trung bình	Chính quy	DCDKLD54A
41	0921010034	Nguyễn Đăng	Dương	5/9/1991	Nam	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	2.65	Khá	Chính quy	DCDKLD54A
42	0921010040	Đỗ Như	Đón	26/03/1991	Nam	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	2.59	Khá	Chính quy	DCDKLD54A
43	0921010078	Mai Văn	Hưng	1/1/1990	Nam	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	2.50	Khá	Chính quy	DCDKLD54A
44	0921010105	Trần Đức	Nam	20/10/1991	Nam	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	2.74	Khá	Chính quy	DCDKLD54A
45	0921010291	Nguyễn Duy	Khánh	16/12/1991	Nam	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	2.52	Khá	Chính quy	DCDKLD54A
46	0921010388	Nguyễn Việt	Tùng	26/12/1991	Nam	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	2.43	Trung bình	Chính quy	DCDKLD54A
47	0921060189	Phan Thị Như	Quỳnh	16/10/1991	Nữ	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	2.55	Khá	Chính quy	DCDKLD54A
48	0964040001	Lê Thị Ngọc	Anh	9/12/1991	Nữ	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	2.78	Khá	Chính quy	DCDKLD54ATH
49	0964040004	Phạm Tuấn	Anh	8/10/1990	Nam	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	2.66	Khá	Chính quy	DCDKLD54ATH
50	0964040006	Lê Văn	Bắc	20/08/1990	Nam	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	3.12	Khá	Chính quy	DCDKLD54ATH
51	0964040007	Nguyễn Văn	Bình	7/2/1991	Nam	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	2.70	Khá	Chính quy	DCDKLD54ATH
52	0964040008	Trần Danh	Bình	10/10/1990	Nam	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	2.66	Khá	Chính quy	DCDKLD54ATH
53	0964040010	Lê Danh	Cường	3/6/1991	Nam	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	2.39	Trung bình	Chính quy	DCDKLD54ATH
54	0964040011	Nguyễn Đăng	Duy	19/08/1991	Nam	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	2.87	Khá	Chính quy	DCDKLD54ATH

10/2